

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG THỜI CHÚA TRINH

Trịnh Quang Dũng

ĐÔ THỊ THĂNG LONG MỞ TIỀN ĐỀ CHO KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Từ thế kỷ 16 trở về trước, nền ngoại thương Việt nam phát triển hạn chế, nền kinh tế chủ yếu theo dạng “tự túc tự cấp”. Cả vương quốc khá biệt lập với thế giới, giao thương hạn chế, ngoại trừ một số chợ biên giới, “bạc dịch trường” và khu thương mại trên biển Vân đồn, buôn bán giới hạn với lân bang nhằm cung cấp vật dụng cần thiết cho triều đình, hoàng tộc.

Từ 1592-1786, lần đầu tiên kinh đô Tonkin (Đông kinh-Thăng long) thay da đổi thịt khoác lên mình một diện mạo mới với dáng vóc đô thị tân tiến kiểu phương Tây. Đông kinh -Thăng long trở thành trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao, văn hóa bậc nhất vương quốc Đại Việt và có tầm ảnh hưởng ra khu vực và thế giới. Với dân cư đông đúc, trên bến dưới thuyền, nhà cửa san sát... kinh đô Đông kinh từng được các giáo sĩ, các nhà du hành phương Tây đương thời không tiếc lời ngợi ca như: một Venice, Paris phương Đông đương thời. Tonkin trở thành trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao, văn hóa nổi bật nhất vương quốc Đại Việt và có tầm ảnh hưởng ra khu vực và thế giới.

Quy hoạch mở: Sau sự nghiệp trung hưng nhà Lê hoàn tất (1592), diện mạo kinh đô mới được “lột xác”, vượt lên thoát khỏi “cái bóng” của kiểu kinh đô mô típ Trung hoa truyền thống để có một vóc dáng “đô thị mới” kiểu phương Tây. Ngay sau khi Chúa Bình An Vương Trịnh Tùng giải phóng Thăng Long, ca khúc khải hoàn đưa vua Lê về lại kinh đô mọi việc đã đổi khác. Đông Kinh-Kẻ Chợ là một quần thể được quy hoạch mở, không còn bị bó hẹp trong tường rào bao kín với những khu chức năng phân định rõ rệt. Lần đầu tiên trong lịch sử kiến trúc xây dựng của vùng đất

thần kinh Thăng long, vòng tường thành bao bọc đã bị phá bỏ ngay năm 1592. Quy hoạch kiểu mới này thực sự là tiền đề quan trọng để phát triển Tonkin như một trung tâm kinh tế mở. Các giáo sĩ và khách phương Tây đương thời đã thực sự ngỡ ngàng khi tới đây: “...*Kinh đô không có thành trì và cơ quan phòng thủ gì cả, đúng như một đô thị mở châu Âu rất hiếm gặp thời bấy giờ ở vùng đất Á châu...*” [13:42]. Giáo sĩ Giuliano Baldinotti (1591-1631) là người châu Âu đầu tiên đến Đông kinh năm 1626 đã được Chúa Trịnh Tráng cử bốn thuyền ra biển đón, hộ tống lai kinh cũng khẳng định: “*Thành không có hào lũy, cung điện lợp ngói, tường xây đá to, chạm trổ đẹp... Kinh thành chu vi 5,6 dặm, dân cư rất đông lập trên một con sông rộng ăn ra biển xa 18 dặm*”.

Trong phạm vi bài viết này tác giả mạn phép không bàn đến vai trò: Chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hóa nổi bật nhất vương quốc Đại Việt, mà chỉ nói về vai trò Trung tâm kinh tế đầu tàu của Tonkin trong quốc gia Đại Việt.

Trung tâm Buôn bán - Tiểu thủ công nghiệp: nằm phía Đông kề sát ngay sông Hồng, tuyến đường thủy huyết mạch vô cùng thuận lợi nối liền kinh đô với phần còn lại của cả vương quốc. Bến Hà Khẩu là nơi chung chuyển hàng hóa từ khắp nơi mang về kinh thành và ngược lại phân phối đi khắp tứ trấn. Quy hoạch đô thị mở do Bình An Vương hoạch định không tường cao hào sâu bao bọc, không những thúc đẩy mạnh mẽ nền nội thương giữa kinh thành và tứ trấn trong nhu cầu tái thiết sau ngót 100 năm loạn lạc mà còn đặt tiền đề phát triển ngoại thương với Phương Tây khi hậu thế của ông chúa Thanh vương Trịnh Tráng (1623-1657) và chúa Định vương Trịnh Căn (1682-1709) cho phép mở Thương điểm Hà lan (1645)[18], Thương điểm Anh (1683) ngay tại trung tâm đô thị Tonkin. Đây chính là một mốc son duy nhất trong suốt lịch sử ngoại thương thời phong kiến Việt nam có những trung tâm thương mại phương Tây ở giữa kinh đô. Và cũng chính nhờ “Cơ chế mở”, không bị kiểm soát, ấn định thời gian ra vào cửa của “quân thành”, đô thị Tonkin bùng tỉnh và nhanh chóng trở thành một Trung tâm thương mại sầm uất trong khu vực. “Cơ chế

mở” còn là chất xúc tác làm bùng nổ giao thương Đông -Tây ở Đại Việt trở thành một trong những “Thành viên đầu mối” trên vành đai của cuộc Đại mậu dịch Á-Âu suốt hai thế kỷ 17-18. Hình ảnh hai thương điểm này xuất hiện trên bức tranh “Kinh đô Đông kinh nhìn từ sông Hồng” của Samuel Baron, con trai vị giám đốc thương điểm Hà Lan Hendrick Baron (1660-1664) [20] từng được chúa Trịnh nhận làm con nuôi cho phép ra vào vương phủ. Hai tòa thương điểm sừng sững bên bờ sông Hồng với kiến trúc nhà tầng châu Âu đồ sộ, hoàn toàn khác lạ với kiến trúc Á đông. Nhật ký còn lại của công ty Đông Ấn Anh mô tả rõ chúng có tường rào vây quanh, cột cờ dựng trước sân, nằm sát bờ sông Tô Lịch nhìn ra sông Hồng. Hai thương điểm Anh và Hà lan ở Kinh đô Kẻ Chợ đã nhộn nhịp tranh nhau vét mua chè như một nguồn hàng xuất khẩu cho Phương Tây tiềm năng. Văn bản ghi nhận việc tranh mua chè Việt xuất khẩu được ghi rõ trong bức thư gửi từ Batavia (Indonesia) đề ngày 23/2/1682: “...không có chè vì đắt quá, và chẳng người Hà lan đã mua hết cả số chè hiện có”[28]. Các bút ký, tư liệu đã sử mà các giáo sĩ ghi chép và gia phả dòng họ cho biết rằng vua Lê từng đến thương điểm Hà Lan đặt mua hàng. Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm từng đến mua vải nơi đây, tự tay khâu thêu ba túi đựng trà. Giai thoại cho hay túi thứ nhất thêu ba cây thông, trúc dưới có chữ tam hữu, chiếc thứ hai thêu tám quả kinh dịch, túi thứ ba thêu ba câu thơ của Lý Bạch: “ *Chỉ cốt nhân say nổi khách, chả hay đâu nữa chốn làng xa*”. Dân gian còn lưu truyền câu chuyện về một nhà trọc phú say mê cô Điểm xin đổi chiếc túi trà này lấy hẳn một căn nhà gỗ xoan năm gian mà không được.

Điểm nhân thứ hai của đô thị mở Tonkin là khu “Khu phố thương mại sâm uất” nằm ngay trong lòng khu 36 phố phường cổ. Bức tranh của Samuel Baron đã cho hậu thế được mục kích cả một khu dân cư đông đúc nằm men theo bờ sông Hồng bên cạnh lầu Ngũ long tráng lệ. Giáo sĩ Alexandre de Rhodes phải thốt lên lời ca ngợi khi lần đầu ông tới đây năm 1627: “...*thành phố lộng lẫy ngang hoặc hơn Venice*”[12] và ông ước đoán: “...*theo dự luận chung, thì dân cư ở kinh thành lên*

tới một triệu người... Có một chứng cứ chính để hiểu số dân cư ở đây... có tới năm mươi ngàn người bán trâu lẻ và bán lẻ ở nhiều địa điểm trong thành phố ”. Một đô thị mở, không bị kiểm soát “ngăn sống cấm chợ” phiến hà, tự do đi lại giao thương là tiền đề cho một thời kỳ “tự hội” ở Kẻ chợ mà các giáo sĩ từng khẳng định có tới gần một triệu dân. “Đất lành chim đậu” quy luật bất biến ấy dẫn tới một cuộc di dân rầm rộ về kinh thành. Từ đất thang mộc Thanh hoa của nhà Chúa, dòng họ các công thần khai quốc (của chính Vương tộc Trịnh) un ùn kéo về tạo nên một thị trường hấp dẫn đầy tiềm năng. Dòng Chúa Trịnh về lập thái ấp khu vực Thái kiều, dòng danh tướng Nguyễn Hữu Liêu về định cư ở Từ liêm (TK 16), dòng Nguyễn Kiều (chồng Đoàn thị Điểm) từ Sơn nam về Nhật Tân, dòng Vũ Quốc Sĩ từ Mộ Trạch-Hải dương về phường Phục cổ, dòng Nguyễn Đắc từ Cổ định-Thanh hoa về Thăng long, dòng họ Nguyễn Sơn nam về làng Nam đồng, dòng Nguyễn Đình-Hà tĩnh di cư về do được ban thực ấp ở Quán la, lập nên chuỗi dinh thự phía nam hồ Tây (TK 17-18) vv...

Hoạt động thương mại ở Tonkin: Điều khác biệt căn bản với các đại trước, ở thời Trịnh là quan niệm thâm căn cố đế: Sĩ – Nông - Công -Thương coi rẻ doanh nhân đã thay đổi. Chúa Trịnh Sâm, đích thân vi hành tới thăm nữ doanh nhân Bội Lạng và bậc đại trí giả danh thần Nguyễn Quý Đức tự tay viết văn bia cho Bà là những hành động chứng tỏ giới thương nhân rất được trọng vọng. Lối ứng xử như thế là “không tiền khoán hậu” trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Nay, Từ Chúa Trịnh, Thế tử, đến giới quan lại đều đã trực tiếp hoặc gián tiếp tích cực tham gia vào hoạt động thương mại của quốc gia và các tầng lớp trong xã hội đều nhận thức rõ quy luật “Phi thương bất phú”. Các bậc đại thần triều đình còn cùng nhau lập cả một khu phố riêng: khu Ô y hạng (Khu Áo đen-nay thuộc hàng Bồ) kề ngay khu thương mại. Một số phu nhân mệnh quan triều đình không còn phụ thuộc chồng như các tiền triều chỉ nem nép trong chống phòng the, phủ đệ ra ngoài kinh doanh thương mại, giao lưu với 4 phương tạo lập môi trường “tiền tư bản” đáp ứng nhu cầu đột biến của kinh đô

mới. Vai trò phụ nữ trong thương mại đặc biệt được nêu cao. Du khách Trung quốc Phan Đình Khuê có mặt ở Đông Kinh năm 1688 đã cho biết “*việc buôn bán ở kẻ chợ bao giờ cũng do phụ nữ đảm nhiệm*”. Thậm chí Domoutier còn đếm rõ “... *cứ trong 100 người đi chợ, người ta đếm được 84 người là đàn bà con gái*” Chuỗi dãy tư liệu trong các tập nhật ký của Kofler, Gion Oet đều khẳng định vai trò chủ đạo của họ, cả ở việc mới lái chạy hàng với thương gia nước ngoài và một số không ít trong họ đã trở thành vợ của thương gia nước ngoài đảm đương việc gom hàng, đặt hàng khi chồng đi vắng.

Giới doanh nhân, các phường tiểu thủ công nghiệp từ tứ trấn cũng hối hả tràn về lập phường mở chợ làm “bùng nổ” không khí làm ăn buôn bán nhộn nhịp tạo nên một khuôn mặt mới vô cùng năng động, đông đúc của một đô thị triệu dân [4:16]. Thợ đồng Đường hào Hải dương kéo về lập phường đúc ở Lò đúc sau chuyển về Ngũ xã. Thợ nhuộm Văn giang –Yên Mỹ di cư về lập dãy phố Thợ nhuộm. Rồi dân làng Hới Đào xá mang nghề quạt về lập phường sản xuất ngay tại kinh thành [15:93]. Dân Đan loan kéo về về hàng Đào, dân làng Rồng lập phố hàng vải vv... Có thể nói hầu hết phố phường sản xuất nhanh chóng mọc lên như nấm sau mưa với không khí làm ăn sôi động ngày càng thịnh vượng bên cạnh việc giao lưu, buôn bán với Phương Tây, Nhật bản, Trung quốc. Từ một “quân thành” khép kín, thành phố không ngừng mở rộng trở thành một trung tâm thương mại sầm uất nhất vương quốc: “*chu vi 20 dặm và dân số có độ một triệu lại có tên gọi Đông kinh*”[13:71]. Kinh đô có tới “*hai vạn nóc nhà, các đường phố chính đều rộng rãi*”. “*Có ba đường phố dài tới 3 dặm*”. Chúa Bình An Vương Trịnh Tùng (1570-1623) chính là người sáng lập nên đô thị mở Đông Kinh trung đại mở ra thời kỳ vàng son của văn minh phong kiến Việt Nam xuyên suốt ba thế kỷ 16 -18 đã bị lãng quên. Chính trong thời kỳ đó, quốc gia Đại Việt trở nên hùng mạnh, thịnh vượng, là một mắt xích nằm trên trục thương mại Đông-Tây, khi cuộc Đại mạo dịch Á -Âu bùng nổ. Trong nền văn minh ấy, những giá trị văn hóa Việt từng được thế giới tôn vinh và đánh giá cao. Một kinh đô Đông

kinh lộng lẫy vàng son có tới cả triệu dân từng được ví với Venice và Paris đương thời.

Khu phố thương mại xứ Tonquin – Tonkin (Đông kinh)

Thiết tưởng không có gì sinh động hơn bằng lời nhận xét của giáo sĩ người Pháp Charles-Thomas de Saint Phalle trong báo cáo trình quan trưởng ấn De Sihouette (24-2-1753): “*Vương quốc này là một trong những vương quốc hùng mạnh nhất ở các xứ Ấn độ... Kinh thành lớn bằng Paris và số dân cũng nhiều như vậy. Tôi đã đến đây nhiều lần, nó nằm trên một con sông có tên gọi là sông Cái: số tàu bè đông đúc không thể tưởng tượng nổi làm cho việc cập bến trở nên khó khăn...*” [17].

CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI TÀM VĨ MÔ

Thời Trịnh mở ra một chương mới cho nền thương mại Đại Việt cả Nội thương và Ngoại thương. Đã có những chính sách, luật lệ về thương mại đột phá giúp thông thương với thế giới những mục tiêu đảm bảo an ninh quốc gia vẫn được nhà Chúa đưa lên hàng đầu. Mở Phố Hiến như một “Đặc khu kinh tế mở” với những luật lệ quy định riêng phát triển ngoại thương. Trong đô thị Tonkin không cho phép người nước ngoài vào buôn bán với những luật lệ kiểm soát chặt chẽ “bảo hộ” nền mậu dịch nội thương. Luật pháp triều Lê-Trịnh bắt buộc Hoa thương phải nhập quốc tịch

Việt, ăn mặc trang phục Việt, sống theo phong tục Việt mới được tự do cư trú và hành nghề ở trong kinh thành. Quy định này của Chúa Trịnh ghi rõ trong *Lê Triều Chiếu lệnh Thiện Chính (1734)*: “...Đối với người ngoại quốc, không được họp nhau ở trong kinh kỳ. Mỗi khi người ngoại quốc đến kinh... phải có quan Cai điệu hướng dẫn và có giấy chiếu hội y như kỳ hạn (khi đến, khi đi). Nếu không đủ điều kiện ấy, thì các ngoại kiều không được đi lại... Do ngoài cửa thành vào kinh đã các quan trấn thủ có trách nhiệm sắp xếp cho họ được ngụ ở doanh Cao dao, (hàng ngày) việc xong, bọn ngoại kiều đều phải trở về doanh nói trên, không được lưu lại ở trong kinh thành” [84]. Với quy định của các Chúa Trịnh, rõ ràng trong kinh đô Đông kinh không cho phép người ngoại quốc cư trú. Các cửa hàng buôn bán ở khu thương mại đều là thương nhân Việt, hoặc người Việt gốc Hoa. Họ tập trung lên trên tuyến phố thương mại đông đúc duy nhất ở kinh thành: phố Yếm Thị, hàng Lam, Cầu Đông (nay là Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường), Phố Áo đen (Ô Y hàng nay là hàng Bò) và kéo đến tận Hòe Nhai (nay là hàng Than).

Ngoài ra còn những chính sách thuế khóa phù hợp giúp cho nền kinh tế đất nước phát triển. Ít nhất ta có thể điểm danh trên 10 chợ lớn còn thu thuế vào năm Bảo thái thứ hai 1727, chợ Cửa Đông lệ thuế đóng 318 quan 8 tiền, 100 tấm da trâu. Chợ cửa Nam, chợ Huyện, chợ Đình ngang, chợ Bà Đá lệ thuế là 310 quan 8 tiền 100 tấm da trâu. Chợ Vân cữ lệ thuế là 19 quan tiền 2 tiền quý, chợ Ong nước lệ thuế là 46 quan 8 tiền vv...[6:36]. Chính nhờ chính sách thuế minh bạch, ổn định mà giá cả hàng hóa được bình ổn giúp thương nhân yên tâm mà tính toán kinh doanh. Một điều hết sức thú vị là giá cả hàng hoá ở các chợ xưa rất ổn định. Trong sách “Tình hình công thương nghiệp Việt nam thời Lê mạt” của Vương Hoàng Tuyên nêu rõ : “năm 1741 giá một con bò là 5 quan tiền... 61 năm sau năm 1802 giá một con bò cày cũng được định là 5 quan tiền... Năm 1663, 100 thùng thóc giá 3 quan tiền... Đến năm 1741, chừng hơn 3 quan 100 thùng

thóc, giá thóc đã gần như ổn định suốt gần một thế kỷ với biết bao sự biến thiên, vật đổi

sao dời...

Có thể nói, thời Trịnh, Kinh tế Đại Việt hùng mạnh, thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển hơn bao giờ hết trở thành một mắt xích trong chuỗi thương mại toàn cầu.

Kim điệp thư kêu gọi thông thương với Phương Tây

Dòng kim sách Đại Việt còn lưu dấu tích bức “Kim điệp thư” được viết vào năm 1623. Giới nghiên cứu coi “Kim điệp thư” là một “bức quốc thư ngoại thương” đầu tiên của Việt nam với Phương Tây nó được gửi cho chính Giáo hoàng Won-panh VIII. Đây là một thư tịch cổ vô cùng quý giá đánh dấu cột mốc mở đầu cho ngành ngoại thương Việt nam kêu gọi thông thương với Phương Tây, một ấn chứng cho ý tưởng hòa nhập thế giới của quốc gia Đại Việt đương thời. Ngay từ TK 17, khi mà cuộc đại mậu dịch lan truyền trên trục thương mại từ Tây sang Đông và Đại Việt từng là một mắt xích quan trọng với hai trung tâm thương mại sầm uất: Phó Hiến ở vương quốc Đàng Ngoài và Hội An ở Đàng trong. Điều kỳ diệu trải qua số phận phiêu dạt hiện nó vẫn đang được lưu trữ tại thư viện tòa thánh Vatican La mã. Nội dung bức kim điệp thư tỏ sự ngưỡng mộ của triều đình Lê Trịnh với Phương Tây và Chúa Trịnh Tráng chính thức thừa nhận lợi ích buôn bán song phương đặt mối quan hệ giao thương giữa Đại Việt và các nước châu Âu. Thư có đoạn viết: *“...Nay Ngài lại chọn hai giáo sĩ trên thông thiên văn, dưới tường địa lý gửi đến bản quốc để mở mang thánh giáo... Lại yêu cầu giúp đỡ cho phép hai vị giáo sĩ ấy ở lại trú ngụ để được giao hảo, trao đổi hàng hóa buôn bán với nhau. Quả nhân đã nhận được mấy vật phẩm độc đáo, lạ lẫm, quý giá, thật cảm kích vô cùng... Việc giúp đỡ hai vị giáo sĩ Quả nhân đã định xong, cho cư trú ở nơi dành riêng cho khách phương xa, ở đó có thể quan sát hiện tượng của trời đất và luận xét điềm lành. Việc giao hảo buôn bán song phương thuận lòng người và tiện cho sự tiện dụng của bần dân thiên hạ,*

hà tất phải nói nữa.... Nay phúc thư". Nội dung Kim điệp thư cho thấy đó là một bước cách mạng về tư tưởng và quan niệm của nhà cầm quyền Đại Việt thời bấy giờ khi dám chủ động hồ hởi mở cửa bắt tay với bên ngoài, với Phương Tây, tự khẳng định mình, việc mà hơn 200 năm sau các ông vua triều Nguyễn vẫn chưa làm được đưa đến chính sách "bế quan tỏa cảng" và bi kịch mất nước về tay ngoại bang ở cuối thế kỷ 19.

ĐẶC KHU KINH TẾ ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT NAM: "PHỐ HIẾN"

Vào đầu thế kỷ 17, một trung tâm thương mại quốc tế, đã hình thành ở Đại Việt. Hơn 2000 nóc nhà như bát úp, tàu thuyền ra vào nhộn nhịp, kho hàng đầy ních, người Âu, người Á buôn bán tấp nập...đó chính là bộ mặt của Hean (Phố Hiến-Tỉnh Hưng Yên), một "tiểu trường An", một "Đặc khu kinh tế mở" đầu tiên trong lịch sử nước nhà...

Tim lại gương mặt phố Hiến: Trải dài suốt 5km chiều dài từ chùa Chuông đến chùa Nễ châu với chiều rộng hơn 1km mà trung tâm là Hồ Bán Nguyệt thơ mộng, phố Hiến quả xứng với "danh bất hư truyền" của một đệ nhị "Kinh kỳ" xứ Đàng ngoài. Cái tên phố Hiến được xuất phát từ địa danh Hiến Doanh là nơi đặt dinh thự của cơ quan chính quyền cấp tỉnh thời Lê-Trịnh. Cái tên Hoen (Hiến) cũng đã chính thức được đánh dấu trên bản đồ quốc tế của Robert in năm 1717.

Nằm trên tả ngạn sông Hồng đầy huyền thoại, cách kinh thành Thăng Long 50km về phía Nam, là một vùng đất bồi rộng lớn ít được ai biết đến. Từ thế kỷ thứ 10 đời Đinh Lê, nơi đây thuộc trị sở Đàng Châu dưới sự cai quản của tướng quân Phạm Phòng At. Sang thời Lý Trần, vùng đất này trở thành vọng gác tiền tiêu của kinh thành Thăng Long. Từ đầu thế kỷ 17, phố Hiến được "lột xác", diện mạo thay đổi hẳn và ngày càng trở nên sầm uất, chốn đô hội của một tiểu "Trường An" mà không ai không biết:"Thứ nhất Kinh kỳ, thứ nhì phố Hiến". Bia kí chùa Thiên ứng cho biết tới năm 1625 phố Hiến mới chỉ có hai phường dân cư Phú Lộc và Phúc Lộc. Nhưng

chỉ trong vòng hơn nửa thế kỷ, với chính sách cởi mở của nhà Trịnh, mở rộng giao lưu thương mại Âu, Á nhộn nhịp, nơi đây đã nhanh chóng tạo cho phố Hiến một gương mặt mới của một trong hai trung tâm thương mại lớn nhất Đàng ngoài. Đặc biệt nơi đây trở thành khu chế tạo hàng xuất khẩu theo đơn đặt hàng từ Á sang Âu của các thương nhân nước ngoài. Bia chùa Chuông khắc năm 1710 đã mô tả lúc ấy phố Hiến trở thành một thương cảng sầm uất được thế giới biết đến như một “nút son” trên trục giao lưu thương mại Đông Tây của các công ty Đông An Hà Lan, Anh, Pháp, Nhật Bản và Trung Hoa với hơn “2000 nóc nhà ngói như bát úp, 20 phường, 36 chợ...” Không chỉ vậy ở phố Hiến còn ra đời hàng loạt các khu ngoại kiều: khu phố người Hoa, khu phố người Nhật, khu phố Hà Lan v.v.... Và đặc biệt là các thương điểm Hà Lan (1637-1700), thương điểm Anh (1672-1683), thương điểm Pháp (1680) lần đầu tiên được ghi nhận trong sử sách Đại Việt. “*Tàu thuyền ra vào nhộn nhịp, kho hàng đầy ních, người Âu, người Á buôn bán tấp nập...*” là những ấn tượng về một “Hean” thương cảng Đại Việt được các nhà buôn ngoại quốc ghi nhận trong các thư tịch cổ còn tồn tại đến ngày nay.

Chế xuất và Giao lưu thương mại

Lịch sử còn ghi lại chính sách mở cửa giao lưu thương mại của chính quyền Lê - Trịnh. Một bức “kim điệp thư” viết trên lá bạc dát mỏng của chúa Trịnh Tráng gửi cho Giáo hoàng Won-panh VIII, khoảng năm 1623, trong đó có đề nghị việc mở rộng giao thương với châu Âu hiện còn được lưu giữ tại thư viện Vatican. Rồi những thư tịch của nhà Chúa giao lưu với Nhật, Hà Lan về việc mở thương điểm và ngoại thương khẳng định cho chủ trương mở cửa thông thương với bên ngoài của nhà nước Đại Việt đương thời.

Tuy nhiên vì những lý do an ninh và các vấn đề phức tạp của một trung tâm thương mại quốc tế, các Chúa Trịnh ban đầu đã không cho phép lập thương điểm ở Đông kinh (Thăng Long) cũng như người ngoại quốc không được cư trú tại Kinh đô.

Chính vì vậy với ưu thế của một tiền cảng gần Kinh kỳ, phố Hiến gần như đã được nhà Trịnh chủ trương cho phát triển trở thành một trung tâm giao lưu thương mại và cung ứng hàng xuất khẩu của Đại Việt với nhiều quy tắc khác biệt. Vô hình chung phố Hiến trở thành “Đặc khu kinh tế mở” đầu tiên của Việt nam từ đầu thế kỷ 17. Hai khu riêng biệt cho kinh doanh và sản xuất được hình thành gồm hai mươi phường, trong đó: 12 phường là khu cư dân kinh doanh, buôn bán và 8 phường là khu sản xuất hàng thủ công.

Khu thủ công có những phường đặc thù cho nền sản xuất thủ công truyền thống như Hoa Lạp thị (phường hàng nón). Hàng Bè phường, hàng sơn phường, thuộc bì thị (thuộc da phường), hàng chén thị, mộc lang thị (phường hàng cau), thổ oa thị (phường Hòn Đất) v.v... Khu thủ công có chức năng chế tạo, sản xuất hàng hoá cung ứng theo các đơn đặt hàng (được ứng tiền trước) mà các thương nhân nước ngoài đòi hỏi rồi 3 tháng hoặc 6 tháng sau trở lại nhận hàng tùy thuộc vào các hợp đồng được thoả thuận. Hàng cung ứng xuất khẩu một phần lấy từ phố Hiến và vùng lân cận song phần lớn các mặt hàng truyền thống được tập hợp từ mọi miền đất nước. Hàng xuất khẩu chủ yếu là sản vật, gỗ quý, trầm hương, tơ sồng, đường mía, trà, đồ gốm sứ, đồ gỗ sơn và đặc biệt là hàng dệt bằng tơ tằm. Các thương điếm nước ngoài đặt tại phố Hiến đã góp phần kích thích hoạt động xuất nhập khẩu của phố Hiến và từ đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế thương nghiệp trong cả nước. Hàng nhập khẩu thời đó là một số hàng xa xỉ cho Vua Chúa, vũ khí, vật liệu chế thuốc súng, đồng, vàng, bạc, đồ sứ cao cấp, hàng dệt Trung quốc, đồ nữ trang và cả đồ dùng cho sinh hoạt, công cụ sản xuất.

Trung tâm xuất nhập khẩu nằm ở phố Hiến Hạ có tên Đông Đô quảng hội. Đây thực ra là một đền thờ tôn giáo của cộng đồng người Hoa. Toàn bộ nguyên vật liệu xây dựng và đồ tế khí đều vận chuyển từ ba tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến sang bằng đường biển. Chính tại đây còn tồn tại cho đến ngày nay một gian phòng rộng từng là nơi các thương nhân tụ hội để mua bán, hợp đồng định giá hàng

hoá và điều hành các thương vụ ở phố Hiến. Tất nhiên các thương lái phương tây còn điều hành thương vụ trực tiếp từ các thương điểm của riêng mình cũng như từ các chợ người Việt. Tư liệu còn lại cho biết rõ tại phố Hiến đã là nơi gặp mặt, giao thương, cư ngụ của nhiều thương gia Đông Á như Philipin, Malaysia, Trung Hoa, Nhật Bản và các thương gia châu Âu đến từ Hà Lan, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh, Pháp vv...

Trong suốt thời kỳ tồn tại, hàng trăm thương thuyền trên thế giới đã đến và đi từ phố Hiến với một số lượng hàng hoá khổng lồ. Từ năm 1637 tới cuối thế kỷ 17, buôn bán giữa Đại Việt và Nhật Bản chiếm 10% trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Nhật trị giá tới 4 triệu lạng bạc hàng năm (1lạng=37g). Quy mô buôn bán với Trung Hoa chưa được biết chính xác nhưng theo số liệu của công ty Đông An Hà Lan, 55% hàng hoá tàu Hà Lan xuất sang Nhật được nhập từ phố Hiến-Đại Việt là hàng tơ sợi, vải lụa.

Phố Hiến-thông điệp của người xưa

Những gì còn lại của phố Hiến “vàng son” thực sự là bức thông điệp sống động cho hậu thế. Từ gần 400 năm trước, ông cha ta đã biết mở cửa giao lưu và đưa nền kinh tế đất nước lên một thời kỳ phát triển thịnh vượng để nhiều dấu ấn trên thương trường quốc tế. Một thương nhân Hoa Kiều còn để lại cảm tình của mình về cái thời thịnh trị phồn vinh của Đại Việt trên bia đá Đền thờ Quan trấn thủ Sơn Nam Thái Bảo Anh Linh Vương Lê Đình Kiên : “...*Những khi rồi rã chúng tôi từng du lãm tới các nơi núi sông cảnh đẹp ở chốn đô ấp để mở rộng tầm hiểu biết. Thấy non sông này, văn nhân tài giỏi, võ sĩ siêu quần, quốc thể âu vàng bên vừng, bọn chúng tôi đã từng cùng nhau ca ngợi*”. Nếu như trong lịch sử oai hùng của dân tộc Việt nam lập đi lập lại những chiến tích lẫy lừng thì phố Hiến và Hội An là một “hiện tượng” hiếm hoi nếu không muốn nói là duy nhất khẳng định nền kinh tế thị trường và sự phát triển sôi động thương trường Đại Việt thời trung đại. Ngày nay trong thời kỳ đổi

mới, phó Hiến thật sự là một gương sáng thức thời của ông cha: vừa “làm ăn” vừa “Đảm bảo an ninh chủ quyền quốc gia” điều mà ngày nay hậu thế vẫn đang lúng túng, khiến chúng ta cần phải suy ngẫm ! Giao thương và hoà nhập nhưng không sao nhãng chủ quyền quốc gia chính là bài học quý báu từ “Đặc khu kinh tế mở phó Hiến”.

DOANH NHÂN TIÊU BIỂU

Chính sử không chép về các thương nhân, những người đã góp công lớn lao cho sự thịnh vượng của triều đại Lê-Trịnh, một sự bất công của quá khứ. Vì vậy mà chân dung về họ khá mờ nhạt. May thay lớp thương nhân thành đạt và có lòng hảo tâm ấy đã được những người hàm ơn tri ân họ qua “Bia miệng” trong nhân gian để đến ngày nay hậu còn biết đến mà tôn vinh.

Đệ nhị Thương gia Bồi Lạng:

Điểm danh những Phú gia cự phách vào thời nhà Trịnh, về dân gian thường nhắc đến ba nhân vật: “Thứ nhất Cô Đò Thanh Hoa, Thứ nhì Bồi Lạng , Thứ ba Thạch Sùng”. Cô Đò Thanh Hoa là ai, cho tới nay vẫn bặt vô âm tín! Còn Thạch Sùng là nhân vật nức tiếng giàu có đời Tấn (thế kỷ III) ở Trung Quốc. Riêng Bồi Lạng, sau chuỗi thời gian bị quên lãng, các nhà nghiên cứu lịch sử tâm huyết đã dần tìm lại được chân dung và trả lại cho đời hình ảnh một thương nhân lúa gạo, người được dân gian tôn vinh lên hàng Cự phú bậc nhất thời Lê –Trịnh, giàu nức tiếng, truyền vang tới Vương Phủ khiến Chúa Trịnh phải giật mình để mắt tới.

Chúa Trịnh viếng thăm: Tiếng lành đồn xa đến tai Nhà Chúa, Ân vương Trịnh Cương (1709-1729) rất hoan hỉ không ngờ lại có người giàu nứt đổ đổ vách trong vương quốc của mình, còn giàu hơn cả Thạch Sùng đời Tấn, nên ban lệnh đích thân hạ cố vi hành tới thăm Bà.

Ngày Nhà Chúa vi hành, một số đại thần cùng ngự lâm quân tháp tùng hộ giá trống dương cờ mở trục chỉ làng Lạng, thuộc huyện Tứ Kỳ, phủ Hạ Hồng, trấn Hải

Dương là quê hương của Bồi Lạng để xem xét sự tình thật hư ra sao. Theo hầu còn có cả đoàn tùy tùng, quan quân của trấn, phủ, tổng cộng cả nghìn 1000 người quân sĩ theo khá đông, lại. Bà Bồi Lạng được thông báo trước cả mừng vô cùng cảm kích vì biết mình chỉ là một phú bà quê mùa mà được Chúa hạ cố đến thăm thật là vinh hạnh. Bà tiếp Chúa thật ân cần và trọng thị, dẫn Chúa đi thăm gia cảnh và những công trình do bà công đức xây dựng, đến đâu cũng thấy ruộng vườn tươi tốt, nông phu lao động cần mẫn, thóc lúa đầy kho, trâu bò, lợn gà, dê chó nhiều vô kể, quan quân nhất nhất đều thán phục không hổ danh bậc Cự phú nhất xứ Đông. Lời đồn quả thật không ngoa! Vốn thông tuệ, Bà Bồi Lạng nảy ra sáng kiến, có nhã ý xin Chúa cho bà được phép khao toàn bộ đoàn tùy tùng, quân sĩ ba ngày để tỏ lòng đội ơn Nhà Chúa. Chúa Trịnh nhận lời. Bà liền sắp đặt, lệnh gia nhân sửa cỗ thật thịnh soạn đầy đủ món ngon vật lạ, đặc sản xứ Đông và dọn trước, quan quân ăn xong không phải rửa bát đĩa, mọi người có thể đập vỡ tùy thích để mua vui. Suốt ba ngày ăn uống linh đình, mỗi bữa vài trăm mâm, bát đĩa cả nghìn bộ đập vỡ nghe cứ như pháo rền. Quan quân bá phục, Nhà Chúa rất đẹp lòng, tuy ở chốn kinh kỳ, mang tiếng phồn hoa đô hội mà chưa thấy ai gây tạo nên khung cảnh sang trọng vui vẻ như thế. Sau chuyện vi hành, ấn tượng về công đức và sự giàu có của Bà, Nhà Chúa ban bốn chữ mỹ tự: “Phú gia Địch quốc” cho Bà.

Vươn lên làm giàu từ trí tuệ và sự cần mẫn: Theo gia phả, tư liệu còn lưu của gia tộc, ông Nguyễn Tá Triền hậu duệ đời thứ 17 của Bà Bồi Lạng kể rằng : “Ngài đã ra ra đi gần 300 năm nhưng luôn là gương sáng cho con cháu noi theo”. Bà Bồi Lạng sinh khoảng cuối thế kỷ XVII, tại làng Lạng, huyện Tứ Kỳ, phủ Hạ Hồng (nay là xã Bình Lăng,). Thuở thiếu thời mang tên Thuyết, sau này trưởng thành đổi tên thành Trị-Nguyễn Thị Trị. Gia cảnh khôn khó, bà rất chịu thương, chịu khó, cần mẫn làm ăn dù lâm trong cảnh sớm mồ côi cha. Hàng ngày chuyên mò hén bắt ốc, bán ở chợ làng để nuôi mẹ. Ngoài 20 tuổi, bà kết hôn với ông Sái Đắc Lộc, người Hà Tĩnh. Vợ chồng tâm đầu ý hợp, cùng nhau chọn nghề buôn bán, xay giã lúa gạo để lập nghiệp.

Về sự giàu có của Bà, tới nay vẫn còn là ẩn số, tuy nhiên dân gian đã huyền hoặc nó thành những truyền kỳ: "... Một hôm, vào buổi chiều tối, mò được thúng hén, con nào cũng to tròn trọc, vỏ hanh vàng, ở một đoạn sông gần làng, bà mừng quá, cho vào chậu, ngâm nước, chờ mai đi chợ sớm. Mờ sáng hôm sau, thức dậy, Bà hốt hoảng khi thấy những con hén tối qua đều thành những thỏi vàng rục rở". Chuyện khác lại đồn rằng: "...Một năm mất mùa, dân làng đói lả, bà còn bao nhiêu thóc gạo dự trữ đem đổi hết cho dân nghèo, lấy những đầu sỏi. Mọi người lấy làm lạ, rất lo cho Bà. Người ta cầu Trời khẩn Phật, mong cho bà giàu có để giúp đỡ người nghèo. Lời cầu nguyện linh ứng, những đầu sỏi bà nhận của người nghèo đều biến thành vàng và ngọc và bà trở thành một người giàu có". Nhưng thực tế nhất là câu chuyện truyền kỳ về kho vàng của nhà Mạc. Vào cuối thế kỷ thứ XVI, trong cơn hấp hối, tàn quân Mạc chuyển kho báu đi cất giấu bằng đường thủy. Khi đoàn thuyền chở vàng ngang qua địa phận làng Lạng, bị quân Trịnh phục kích, hai bên thủy chiến dữ dội đã có thuyền vàng bị đắm xuống sông. Nhờ mò được thuyền vàng đó mà bà Bội Lạng có vốn làm ăn trở nên giàu có".

Tuy nhiên, một sự thật không ai có thể phủ nhận là vốn bản tính thông tuệ, lại thêm biệt tài kinh doanh buôn bán, tính toán "như thần" và sự lanh lẹ chớp thời cơ mà Bà sớm ăn nên làm ra và trở thành một nữ thương gia nức danh khắp trấn phủ. Văn bia kể sự nghiệp của Bà có đoạn kể: "...Sống trong vùng đồng bằng châu thổ, bà chọn nghề buôn bán lúa gạo để lập nghiệp. Ngày xưa, đất đai tuy màu mỡ, nhưng kĩ thuật canh tác kém, sức chống chọi thiên tai hạn chế, nên thường xảy ra mất mùa cục bộ, giá thóc gạo giữa các vùng thường rất chênh lệch, đó là cơ hội làm ăn của nghề buôn bán gạo. Năm Quý Mùi (1703), thiên tai mất mùa, thóc như ngọc quý. Vào những lúc như thế, bà bán hết gia sản lấy tiền làm vốn. Khi thu được lãi, bà mang tiền tậu ruộng ở các nơi, chăn nuôi gia súc. Ngày qua tháng lại, chẳng bao lâu sau, bà trở thành người giàu có nhất một vùng. Ruộng có hơn nghìn mẫu, tiền có trên vạn xâu, thóc lúa, gia súc nhiều đến mức không đếm xuể". Văn bia cho cho biết

chỉ riêng tiền di chúc cho dưỡng tử và nghĩa tử, tài sản cho 25 xã có tới trên 340 mẫu và hơn 2.000 quan tiền

Sự giàu có của bà còn được chép trong Kiến văn tiểu lục, lặn bàn về các doanh nhân vào cuối thế kỷ XVII ở đồng bằng sông Hồng, Lê Quý Đôn viết: “Năm thứ 20, niên hiệu Chính Hòa (1699) ở nước ta có những người như Huyện Lân ở Thiên Bản, Công Trung ở Thanh Quan, bà Bồi Lạng ở Bình Lãng, Tứ Kỳ... vàng, bạc tiền, thóc kể có ức vạn, đất nhiều ruộng tốt khắp một địa phương”.

Vào đầu năm Vĩnh Thịnh thứ 16 (1720) Bà nhờ Thám hoa khoa Bính Thìn Nguyễn Quý Đức (1648 - 1720), người làng Đại Mỗ, huyện Từ Liêm. Khoa này không chấm đỗ Trạng nguyên, Bảng nhãn nên chỉ mình ông đứng tên trong bảng Tam Khôi. Ông là bậc danh thần có thế lực và uy tín đương thời, từng giữ chức Tham tụng (Thủ tướng) đứng đầu Phủ Liêu chỉ dưới Chúa Trịnh và có công lớn trong việc tôn tạo văn miếu Quốc Tử Giám Thăng Long. Bởi vậy việc ông nhận soạn văn bia tự sự về cuộc đời và sự nghiệp của bà, cùng văn bản phân chia tài sản cho Bà, là một ngoại lệ duy nhất trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam. Điều đó cho thấy uy tín, ảnh hưởng to lớn của Bà đối với giới trí thức cầm quyền đương thời. Ông còn ca ngợi gia đình bà là một gia đình Tổ phong, nghĩa là không quyền cao chức trọng mà được người đời kính nể. Đây cũng là một trong những văn bản cuối cùng của Nguyễn Quý Đức, vì trong năm đó ông đã qua đời.

Bà mất ngày 27-9-1721(Tân Sửu). ngày cụ mất người dân làng quý trọng cụ, đã làm rạp từ đầu làng ra tận nghĩa trang ngoài cánh đồng. Ở phía trên rạp mọi người lợp bằng bánh đa, làm lễ tang cho cụ xong người dân lấy bánh đa chia cho trẻ con. Do nướng vội bánh đa làm rạp che cho bà nên từ đó làng mang tên là làng Vội. Khu lăng mộ nằm trên một gò đất khá bằng phẳng rộng gần một sào ở cánh đồng thôn Đông, hai bên có hai cây bàng. Đập vào mắt chúng tôi trước nhất là đôi nghê đá ngồi chầu, được chạm khắc tinh xảo. Lăng mộ được xây bằng đá khối, khuôn viên chừng 300m², lăng đá hình tháp, 2 tầng cao tới 5-6m, 8 mái được ghép bằng các phiến đá

xanh. Tầng thứ nhất cao 1,5 m, dài 2,48m, mặt trước được chạm ô hộc gồm 10 ô, mặt bên 5 ô. Tầng thứ hai cao 78cm, dài 1,96m, mặt trước được chạm 1 hàng lan can đá trên có khắc chữ vụn bằng Hán tự. Các mặt bên và mặt sau đều chạm bỗ ô hộc. Bên trên tầng 2 là mái úp, mái được chạm khắc hoa lá phía trên có đài sen, trên đài có búp sen. Công trình toát lên sự cổ kính, độc đáo, gần như còn nguyên vẹn hình dáng nguyên sơ ngoại trừ một vài phần bị hư hại. Phía trước còn thạch sàng có kích thước khoảng 2 m x 1,5 m., bên phải có tấm bia hộp long đình hình tứ trụ có niên đại Vĩnh Thịnh thập lục niên (1720) cao gần 2 m, rộng trên 0,6 m trên có chữ Nho ghi về cuộc đời của nữ doanh nhân Bồi Lạng, bản phân chia tài sản cho các con nuôi, công đức ruộng cho các làng, xã để lo việc thờ cúng cho gia đình mình.. Trán bia có dòng chữ: “Sái phụ Nguyễn Thị Trị sản chí phú tự sự bi kí”, nghĩa là Bia tự sự về Nguyễn Thị Trị, vợ người họ Sái, rất giàu có. Văn bia do thám hoa Nguyễn Quý Đức soạn, thợ đá An Hoạch (Thanh Hoá) và Kính Chủ (Hải Dương) khắc dựng bia và lăng vào tháng 4 năm Vĩnh Thịnh 16 (1720). Như vậy, lăng xây khi chủ nhân còn sống, khi qua đời chỉ việc đưa di hài vào.

Bao la lòng từ thiện: Bà còn được biết đến là nhà từ thiện lớn trong lịch sử phong kiến thời bấy giờ. Là người nhân đức, Bà có nhiều con nuôi, thấy nơi nào khó khăn cũng công đức. Bà bỏ tiền làm đường, cầu đá cho dân quanh vùng... Khi về già, bà cũng công đức rất nhiều ruộng đất cho các xã quanh vùng. Bà được nhân dân trong vùng quý trọng vì là người giàu lòng hảo tâm, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ dân nghèo. Chuyện kể rằng : “Phía trước nhà bà có nhánh sông, muốn giúp đỡ kẻ khó, bà bảo họ ra đó mò cua, bắt hến bán cho bà. Khi ốc hến cạn kiệt, họ mò cả sỏi về bán, song bà vẫn mua. Người ta đồn bà Bồi nhìn sỏi ra vàng. Từ đó khúc sông được gọi là sông Vàng. Trong văn bia Thám hoa Nguyễn Quý Đức cũng đã ca ngợi lòng thiện tâm của Bà: “...Tuy giàu có nhưng bà là người có tâm phật, nuôi hai con trai trưởng thành và có nhiều con nuôi, con đỡ đầu, đặc biệt quan tâm đến các cụ bà và những người bạn cũ. Đi đến nơi nào có khó khăn là sẵn sàng công đức. Có một lần bà đi

qua xã La Tinh, huyện Tứ Kỳ, đến bến sông Vạn. Tại đây, xưa có một cái cầu gỗ, lâu ngày đã hư hại không đi lại được. Việc bắc lại cũng không dễ. Khách qua đường phải lội bùn lầy rồi bơi qua sông, hoặc qua đò, nhiều người ca thán. Thấy vậy, bà liền cho người đi chợ mua gỗ lim phiến, đóng 2 con thuyền, lấy hai người bản xã là Phạm Cân và Đỗ Văn A làm lái đò lâu dài chở khách qua sông. Bà lại hứa cho mỗi người 5 mẫu ruộng tại bản xã, cày cấy hưởng hoa lợi để chở đò công đức cho dân. Số ruộng đó được chuyển tiếp cho những người chở đò của những thế hệ sau thừa kế”.

Trong số 36 cây cầu bà xây cho người dân trong vùng nhiều cây cầu vẫn còn tồn tại đến ngày nay. Cây cầu đá được dân gian nhắc nhiều là cầu đá Đen nằm tại thôn Thái An, xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ. Dẫu đã “trơ gan cùng tuế nguyệt” trên hơn 300 năm nhưng cầu đá Đen vẫn còn rất kiên cố. Trước đây, mỗi khi xây cầu xong bà đều kiểm tra độ vững chắc của cầu cẩn thận rồi mới bàn giao cho dân làng sử dụng. Năm 2009 hội thảo khoa học: "Nữ doanh nhân - Nhà từ thiện Bồi Lạng" đã được tổ chức nêu lên những công trạng của bà trước đây, để Nhà nước công nhận khu lăng mộ của bà Bồi Lạng là khu di tích lịch sử của tỉnh. Từ sự cống hiến, đóng góp của các nhân vật lịch sử đối với quê hương, đất nước và giá trị của các di tích, tháng 1-2016, UBND tỉnh đã xếp hạng khu lăng mộ Bà Bồi Lạng là di tích lịch sử cấp tỉnh.

Nữ Doanh nhân Phố cổ-Bà Diên Thái: Những dấu ấn thương mại đất Thăng Long vô cùng hiếm hoi, nhất lại về kinh doanh chè. May thay câu chuyện về gia tộc Nguyễn Đình làng Hạ Thái đã cho chúng ta chiêm ngưỡng bức tranh sinh động về đời sống thương mại trên con phố thương mại hàng Lam-hàng Đào –hàng Đường suốt 100 năm từ nửa đầu TK 18 đến đầu TK 19 [252]. Lên Kẻ chợ năm 1729, câu Cả Giới bắt đầu từ một gã cửu vạn, chỉ sau hơn mười năm kinh doanh chè Mạn Hảo và thuốc Lào Tiên minh đã đưa ông Nguyễn Đình Giới lên bậc giàu sang và danh vọng. Ông trở thành người có vai vế trong phường buôn chuyến, cầm cân nảy mực

mặt hàng chè Mạn Hảo danh tiếng. Từ lúc mua được căn nhà mới ở phố Hàng Lam ngay giữa trung tâm buôn bán Kẻ Chợ, ông chủ Đình Giới được nhập cư ở vào phường Diên Hưng, chính thức thành cư dân Kẻ Chợ, được trọng vọng. Ông đổi tên thành Nguyễn Đình Huyễn, rồi bỏ tiền mua chức quan, trở thành quan Tri sự tại gia đầy đủ phẩm hàm danh giá. Hiệu buôn khang trang được ông đặt tên hiệu: Diên Thái. Bảng hiệu Diên Thái hình hai trái đào màu vàng được làm bằng sơn mài, chạm khắc tinh tế ở cả hai mặt và treo trịnh trọng trước hiên căn nhà hai tầng mới cất kiểu nhà gác cổ diêm. Đương thời, lối kiến trúc này rất thịnh hành ở đất Kẻ Chợ, nước sôi mới còn trắng toát. Cái tên Diên Thái, là chữ Diên đầu của phường Diên Hưng ông khởi nghiệp, ghép với chữ Thái sau của làng Hạ Thái quê cha đất tổ ghép lại mà thành. Khách hàng càng vị nể ông là con người trọng tình trọng nghĩa, “ Uống nước nhớ nguồn ”. Tiếng thơm cứ thế truyền lan ra, khách ngày càng đông, càng làm đậm đà thêm hương vị chè Mạn hảo-Diên Thái.

Cái nghiệp chè Mạn Hảo như một định mệnh chọn ứng vào dòng Nguyễn Đình nên ngay khi gặp lúc lao đao, cửa hiệu Diên Thái Hàng Lam được giao sang đời thứ 3 cho người con thứ Đình Tiệp (1740-1789) và cô con dâu Đỗ Thị Lượng (1740-1816). Chính cô Lượng đã nhanh chóng làm hồi sinh Diên Thái và đạt đến tột đỉnh: cả “Phú” lẫn “Quý”. Vốn con nhà khanh tướng, nên từ bé cô Lượng đã được học hành chu đáo, lớn lên tính tình lẫn mạn, yêu thích văn thơ nôm, nữ công gia chánh mười phần khéo léo, hội đủ cả: công dung ngôn hạnh. Về làm dâu nhà Nguyễn Đình, trọng trách khôi phục danh tiếng chè Mạn Hảo-Diên Thái phố Hàng Lam trĩu nặng trên vai bà. Nhờ được trời phú cho tài tình tường thẩm hương, thưởng vị trà nên chất lượng chè Mạn Hảo-Diên Thái khác hẳn với các thương gia cạnh tranh khác. Lại thêm tính quảng giao, khéo léo thù tiếp khách nên chỉ trong thời gian ngắn danh tiếng chè Diên Thái dậy như sóng cồn chẳng riêng chốn kinh thành, mà lan ra cả ngoài tứ trấn. Khách lễ tiện mua chè Mạn Hảo-Diên Thái ngay tại cửa hiệu bên Đá sát chân cây Cầu Đông xây bằng đá xanh không lúc nào ngớt người qua kẻ lại tấp

nập nhôn nhíp. Cửa hàng hướng ra phía đầu cầu, nơi có pho tượng Tiểu Phật tạc bằng đá trắng nằm ngổn ngang, một tay xoa chiếc bụng phệ, khoe ra cái rốn sâu, miệng cười tùm tùm với khách qua đường khiến ai cũng phải dừng lại ngắm nhìn rồi vui chân ghé vào cửa hàng chè Diên Thái. Khách phùng buôn lớn, chuyên ăn hàng đi xa được mời sang giao dịch với bà chủ bên hiệu Diên Thái hai quả đào sang trọng trên phố Hàng Lam. Hiệu Diên Thái chiếm hai gian rộng trên mặt tiền Hàng Lam, nổi bật với bảng hiệu sơn mài đã ngả màu thời gian. Gian bên phải bán chè Mạn Hảo, gian bên trái bày bán thuốc lò Tiên Minh, ở giữa có lối đi dẫn suốt vào phía sau nhà: vườn cảnh, khu nhà tiếp khách quý, đàm đạo thưởng trà, kho hàng và khu thờ tự. Mặt ngoài chỉ là kiểu nhà gác cổ diêm cửa hàng sát với vỉa hè, tầng hai xây thụt vào phía trong. Phần mặt tiền tầng hai chỉ trổ hai cửa thông hơi nhỏ hình hoa thị cân hai bên, chính giữa đắp nổi hình bát quái. Tường hai bên nhà, phía trên mái tầng một nối với tầng hai xây cao, giắt cáp phòng chống cháy, ngăn lưới lửa gập gió lớn bay lan từ các nhà bên bị cháy. Hai đầu sống mái tầng hai đắp hai đốc kiếm hướng lên trời chống tà ma. Gian bán chè Mạn Hảo đóng bục gỗ kê áp sát tường, bên trên bày ba thúng cái xảm sơn ta xếp lớp chè Mạn Hảo đầy có ngọn. Trên mỗi thúng dán xéo một vuông giấy đỏ thành hình ô trám đề một chữ lớn, khách dễ dàng đọc được dòng chữ “Phúc-Lộc-Thọ” trên ba xảm chè. Trên bục ta còn thấy một chiếc mẹt bả sơn then, trong đựng xấp giấy moi để gói chè cho khách, giữa mỗi tờ đều đóng triện sơn hình hai quả đào và tên bản hiệu: Diên Thái. Kề đó là chiếc cân tay và bó lạt giang để gói buộc hàng. Vách tường nhà mặt hướng ra phố vượt lên cao khỏi tầm đầu người dán hàng chữ đỏ: “Bán buôn - Bán lẻ - Chữ Tín làm Gốc”. Sát vách góc nhà kê hòm đựng tiền, có ổ khóa to bằng đồng, mặt thùng dán giấy đỏ đề dòng chữ “Nhất Bản Vạn Lợi”. Một mẹt sơn then bày hàng chông những phong chè Mạn Hảo gói sẵn, niêm dán ngay ngắn bản hiệu Diên Thái, phục vụ khách mua lẻ. Mỗi phong chè Mạn Hảo-Diên Thái nhỏ giá 2 đồng tiền Cảnh Hưng, phong gói to giá 3 đồng. Khách mua nhiều có loại gói cột sẵn thành chông một chục, châu thêm một phong

(trả tiền 10 phong nhận được 11 phong chè). Gian bên trái bán thuốc lào Tiên Minh bài trí tương tự, nhưng trên các thúng cái xảm sơn dán hàng chữ “Nguyễn, Hanh, Lợi, Trinh”. Phía trên tầm đầu người nổi bật hàng chữ trên giấy đỏ: “Khách nhớ Bản Hiệu-Bản Hiệu nhớ khách”. Một cô gái nhỏ áo tứ thân, vấn khăn bỏ đuôi gà ngồi trước nong thuốc lào đã được trải gỡ thật tươi, vừa trông hàng đón khách vừa thông thả, cẩn thận phong thuốc lào thành từng gói lẻ. Khách hàng mua buôn chuyên chè Mạn Hảo, thuốc lào được mời vào gian trong. Giữa gian nhà treo một cái cân lớn chuyên cân hàng buôn chuyên được đóng trong các bao đay, bỏ hay sọt tùy thuộc vào phương thức vận chuyển. Người ta còn thấy hai mặt hàng khác được bày bán kín đáo trong gian bán buôn này: Đồng thời khai thác từ mỏ Tụ Long và thiếc Kim ngưu. Đây là những mặt hàng triều đình giành đặc quyền, thu mua tận gốc, chỉ những hãng buôn có thế lực, vốn lớn mới có thể kinh doanh. Khác thời ông nội nhà chồng, giờ cô Lượng đã được giới công thương kinh kỳ vị nể gọi bà bằng cái tên: bà chủ Diên Thái thay vì gọi theo chồng: bà Huyện Vĩnh Khang, bà phủ Trường Khánh hay bà Đốc trấn Lạng sơn. Mọi người đều biết bà không thích bị gọi theo như thế! Lúc này bà Diên Thái không còn phải lặn lội đường xa, vượt thác ghềnh nguy hiểm mới có hàng. Giờ gia nhân mang chè từ trang trại gia đình trồng trên mạn ngược, rồi bán hàng, giới buôn chuyên tự mang hàng tốt nhất đến cho bà ngay tại bến Hà khẩu và họ cũng ăn hàng của bà Diên Thái từ đây. Chè Mạn Hảo là mặt hàng buôn chuyên đi khắp tứ trấn, nên số lượng xuất nhập hàng rất lớn. Mỗi lần có bồng chở thẳng chè từ châu Mạn Hảo hay từ châu Hưng hóa, vị xuyên cập bến Hà Khẩu là đám gia nhân nhà Diên Thái bất kể trai hay gái lại tất tưởi, hối hả gồng gánh bò sọt, xe cút kít tấp nập chất hàng đầy ắp chở, gánh về nhập kho ở cổng sau nhà, lối trông ra hồ Hàng Buồm. Uy tín Chè Mạn Hảo-Diên Thái và các mặt hàng hóa khác của bản tiệm ngày một lên cao, tiền vào như nước phần vì chất lượng tuyệt hảo của thứ chè Mạn Hảo được tuyển chọn tinh tế giữ tròn chữ tín, phần nhờ lối quảng giao rộng khắp các giới của bà chủ. Ngoài giới công thương, tầng lớp quan lại đồng liêu huyện, phủ, trấn của

chồng, bà còn kết thân với bà phủ Vĩnh tường (Hồ Xuân Hương), cô Đoàn Lệnh Khương (cháu bà Đoàn thị Điểm) những nữ sĩ lừng danh đương thời. Họ đến thưởng trà, ngâm vịnh thơ nôm với Từ Ý phu nhân (tên thượng lưu của bà Diên Thái). Cậu Chiêu Hồ (Phạm Đình Hồ) từng được Từ Ý phu nhân nhận nuôi làm gia sư, rồi trở thành thông gia với Đình Khoa nhà bà. Danh nho, tri huyện Nguyễn Án, Thần Siêu (Nguyễn văn Siêu) đều là môn khách của nhà Diên Thái. Khác với các hiệu buôn, nhà Diên Thái còn có cả thư viện riêng: “Phúc Tuệ Thư Hiên” được lập từ thời cụ tổ quan Tri sự, đến thời bà Diên Thái có ngót cả trăm năm. Thư viện với hơn ba nghìn đầu sách trong đó có bản thảo Vũ trung tùy bút, Tang thương ngẫu lục, Xuân Hương thi tập, Đoàn Thị thi tập ghi lưu thủ bút của chính các danh sĩ đề tặng gia chủ (Kho sách quý báu này bị đốt tại làng Hạ Thái trong tiêu thổ kháng chiến 1946 và cải cách ruộng đất 1956). Không chỉ là danh gia vọng tộc, đại phú gia đất Kẻ Chợ, giờ nhà Diên Thái còn là chốn dập diu gập gờ của giới tao nhân mặc khách, danh nho, bình ngâm thơ phú, thưởng chè Mạn Hảo đón trăng lên trong dịp tết Trung thu. Chính bởi vậy mà tiếng thơm chè Mạn Hảo-Diên Thái vang tới cả cung vua, phủ chúa. Rất nhiều vị hoàng thân quốc thích, các quân chúa, phu nhân đích thân vãng lọng dập diu đến tận bản hiệu Diên thái-Hàng Lam mua tuyển cho đúng thứ Trà Mạn sen đặc biệt của bà Diên Thái. Người đương thời đồn nhau thứ chè Mạn sen Diên Thái uống đến tuần trà thứ ba vẫn còn đượm hương, đậm vị. Thứ chè đặc sắc này là đặc sản của bản hãng do chủ nhân kỳ công tuyển chọn từng đợt trà từ Mạn Hảo về, được ướp ủ theo bí quyết riêng.

Đương lúc chè Mạn Hảo-Diên Thái danh tiếng truyền xa, bỗng chính biến nổi nhau ập tới làm nghiệp chẻ Mạn Hảo bắt đầu rơi vào suy thoái tàn lụi dần. Bà Diên Thái buồn đến se lòng, thời thế vậy biết làm sao! Giặc giã, cướp bóc liên tục 5, 6 năm liền, hàng hóa ế ẩm ...Năm Bảo Hưng thứ nhất (1801) bà quyết định rút lui khỏi nghiệp thương mại một thời vàng son của gia tộc, trao lại cửa hiệu Hàng Lam cho con cháu và lui về Hạ Thái ẩn cư.

THAY LỜI KẾT

Có thể thấy thời Nhà Trịnh đã mở ra một chương mới cho nền kinh tế Đại Việt : “Kinh tế thị trường mở” của Việt Nam từ thế kỷ 17. Các chính sách tâm vĩ mô đã được các Chúa Trịnh hoạch định rõ ràng: Ngoại thương mở cửa thông thương với thế giới. Nội thương cấm người nước ngoài tự do buôn bán trong kinh thành để bảo hộ mậu dịch cho thương nhân Việt phát triển. Tuy nhiên với tầm nhìn xa trông rộng các Chúa Trịnh mạnh dạn thực thi chính sách “Đặc khu kinh tế mở” ở phố Hiến và cho đặt hai Trung tâm thương mại Âu châu ngay trong lòng kinh đô: Thương Điểm Hà Lan và Thương Điểm Anh.

Một giá trị khác trong chính sách phát triển kinh tế thời nhà Trịnh là quý trọng hiền tài, trân trọng giới Doanh nhân những người làm ra của cải vật chất mang lại sự thịnh vượng cho quốc gia và chung tay chia sẻ gánh nặng xã hội với nhà nước bằng khối tâm trong sáng, lòng thiện nguyện bao la vốn thừa kế từ thế hệ tiền nhân.

Chính sách tâm vĩ mô của Nhà Chúa: “Giao thương và hoà nhập nhưng không sao nhãng chủ quyền quốc gia!” chính là bài học quý báu của tiền nhân từ 400 năm trước vẫn còn nguyên giá trị tới ngày nay.

Tp.HCM Tháng 9 năm 2018

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG THỜI CHÚA TRINH

ĐÔ THỊ THĂNG LONG MỞ TIỀN ĐỀ CHO KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Từ thế kỷ 16 trở về trước, nền ngoại thương Việt nam phát triển hạn chế, nền kinh tế chủ yếu theo dạng “tự túc tự cấp”. Cả vương quốc khá biệt lập với thế giới, giao thương hạn chế, ngoại trừ một số chợ biên giới, “bạc dịch trường” và khu thương mại trên biển Vân đồn, buôn bán giới hạn với lân bang nhằm cung cấp vật dụng cần thiết cho triều đình, hoàng tộc.

Từ 1592-1786, lần đầu tiên kinh đô Tonkin (Đông kinh-Thăng long) thay da đổi thịt khoác lên mình một diện mạo mới với dáng vóc đô thị tân tiến kiểu phương Tây. Đông kinh -Thăng long trở thành trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao, văn hóa bật nhất vương quốc Đại Việt và có tầm ảnh hưởng ra khu vực và thế giới. Với dân cư đông đúc, trên bến dưới thuyền, nhà cửa san sát... kinh đô Đông kinh từng được các giáo sĩ, các nhà du hành phương Tây đương thời không tiếc lời ngợi ca như: một Venice, Paris phương Đông đương thời. Tonkin trở thành trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao, văn hóa nổi bật nhất vương quốc Đại Việt và có tầm ảnh hưởng ra khu vực và thế giới.

Quy hoạch mở: Sau sự nghiệp trung hưng nhà Lê hoàn tất (1592), diện mạo kinh đô mới được “lột xác”, vượt lên thoát khỏi “cái bóng” của kiểu kin đô mô típ Trung hoa truyền thống để có một vóc dáng “đô thị mới” kiểu phương Tây. Ngay sau khi Chúa Bình An Vương Trịnh Tùng giải phóng Thăng Long, ca khúc khải hoàn đưa vua Lê về lại kinh đô mọi việc đã đổi khác. Đông Kinh-Kẻ Chợ là một quần thể được quy hoạch mở, không còn bị bó hẹp trong tường rào bao kín với những khu chức năng phân định rõ rệt. Lần đầu tiên trong lịch sử kiến trúc xây dựng của vùng đất

thần kinh Thăng long, vòng tường thành bao bọc đã bị phá bỏ ngay năm 1592. Quy hoạch kiểu mới này thực sự là tiền đề quan trọng để phát triển Tonkin như một trung tâm kinh tế mở. Các giáo sĩ và khách phương Tây đương thời đã thực sự ngỡ ngàng khi tới đây: “...*Kinh đô không có thành trì và cơ quan phòng thủ gì cả, đúng như một đô thị mở châu Âu rất hiếm gặp thời bấy giờ ở vùng đất Á châu...*” [13:42]. Giáo sĩ Giuliano Baldinotti (1591-1631) là người châu Âu đầu tiên đến Đông kinh năm 1626 đã được Chúa Trịnh Tráng cử bốn thuyền ra biển đón, hộ tống lai kinh cũng khẳng định: “*Thành không có hào lũy, cung điện lợp ngói, tường xây đá to, chạm trổ đẹp... Kinh thành chu vi 5,6 dặm, dân cư rất đông lập trên một con sông rộng ăn ra biển xa 18 dặm*”.

Trong phạm vi bài viết này tác giả mạn phép không bàn đến vai trò: Chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hóa nổi bật nhất vương quốc Đại Việt, mà chỉ nói về vai trò Trung tâm kinh tế đầu tàu của Tonkin trong quốc gia Đại Việt.

Trung tâm Buôn bán - Tiểu thủ công nghiệp: nằm phía Đông kề sát ngay sông Hồng, tuyến đường thủy huyết mạch vô cùng thuận lợi nối liền kinh đô với phần còn lại của cả vương quốc. Bến Hà Khẩu là nơi chung chuyển hàng hóa từ khắp nơi mang về kinh thành và ngược lại phân phối đi khắp tứ trấn. Quy hoạch đô thị mở do Bình An Vương hoạch định không tường cao hào sâu bao bọc, không những thúc đẩy mạnh mẽ nền nội thương giữa kinh thành và tứ trấn trong nhu cầu tái thiết sau ngót 100 năm loạn lạc mà còn đặt tiền đề phát triển ngoại thương với Phương Tây khi hậu thế của ông chúa Thanh vương Trịnh Tráng (1623-1657) và chúa Định vương Trịnh Căn (1682-1709) cho phép mở Thương điểm Hà lan (1645)[18], Thương điểm Anh (1683) ngay tại trung tâm đô thị Tonkin. Đây chính là một mốc son duy nhất trong suốt lịch sử ngoại thương thời phong kiến Việt nam có những trung tâm thương mại phương Tây ở giữa kinh đô. Và cũng chính nhờ “Cơ chế mở”, không bị kiểm soát, ấn định thời gian ra vào cửa của “quân thành”, đô thị Tonkin bùng tỉnh và nhanh chóng trở thành một Trung tâm thương mại sầm uất trong khu vực. “Cơ chế

mở” còn là chất xúc tác làm bùng nổ giao thương Đông -Tây ở Đại Việt trở thành một trong những “Thành viên đầu mối” trên vành đai của cuộc Đại mậu dịch Á-Âu suốt hai thế kỷ 17-18. Hình ảnh hai thương điểm này xuất hiện trên bức tranh “Kinh đô Đông kinh nhìn từ sông Hồng” của Samuel Baron, con trai vị giám đốc thương điểm Hà Lan Hendrick Baron (1660-1664) [20] từng được chúa Trịnh nhận làm con nuôi cho phép ra vào vương phủ. Hai tòa thương điểm sừng sững bên bờ sông Hồng với kiến trúc nhà tầng châu Âu đồ sộ, hoàn toàn khác lạ với kiến trúc Á đông. Nhật ký còn lại của công ty Đông Ấn Anh mô tả rõ chúng có tường rào vây quanh, cột cờ dựng trước sân, nằm sát bờ sông Tô Lịch nhìn ra sông Hồng. Hai thương điểm Anh và Hà lan ở Kinh đô Kẻ Chợ đã nhộn nhịp tranh nhau vét mua chè như một nguồn hàng xuất khẩu cho Phương Tây tiềm năng. Văn bản ghi nhận việc tranh mua chè Việt xuất khẩu được ghi rõ trong bức thư gửi từ Batavia (Indonesia) đề ngày 23/2/1682: “...không có chè vì đắt quá, và chẳng người Hà lan đã mua hết cả số chè hiện có”[28]. Các bút ký, tư liệu đã sử mà các giáo sĩ ghi chép và gia phả dòng họ cho biết rằng vua Lê từng đến thương điểm Hà Lan đặt mua hàng. Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm từng đến mua vải nơi đây, tự tay khâu thêu ba túi đựng trà. Giai thoại cho hay túi thứ nhất thêu ba cây thông, trúc dưới có chữ tam hữu, chiếc thứ hai thêu tám quả kinh dịch, túi thứ ba thêu ba câu thơ của Lý Bạch: “ *Chỉ cốt nhân say nổi khách, chả hay đâu nữa chốn làng xa*”. Dân gian còn lưu truyền câu chuyện về một nhà trọc phú say mê cô Điểm xin đổi chiếc túi trà này lấy hẳn một căn nhà gỗ xoan năm gian mà không được.

Điểm nhân thứ hai của đô thị mở Tonkin là khu “Khu phố thương mại sâm uất” nằm ngay trong lòng khu 36 phố phường cổ. Bức tranh của Samuel Baron đã cho hậu thế được mục kích cả một khu dân cư đông đúc nằm men theo bờ sông Hồng bên cạnh lầu Ngũ long tráng lệ. Giáo sĩ Alexandre de Rhodes phải thốt lên lời ca ngợi khi lần đầu ông tới đây năm 1627: “...*thành phố lộng lẫy ngang hoặc hơn Venice*”[12] và ông ước đoán: “...*theo dự luận chung, thì dân cư ở kinh thành lên*

tới một triệu người... Có một chứng cứ chính để hiểu số dân cư ở đây... có tới năm mươi ngàn người bán trâu lẻ và bán lẻ ở nhiều địa điểm trong thành phố ”. Một đô thị mở, không bị kiểm soát “ngăn sống cấm chợ” phiến hà, tự do đi lại giao thương là tiền đề cho một thời kỳ “tự hội” ở Kẻ chợ mà các giáo sĩ từng khẳng định có tới gần một triệu dân. “Đất lành chim đậu” quy luật bất biến ấy dẫn tới một cuộc di dân rầm rộ về kinh thành. Từ đất thang mộc Thanh hoa của nhà Chúa, dòng họ các công thần khai quốc (của chính Vương tộc Trịnh) un ùn kéo về tạo nên một thị trường hấp dẫn đầy tiềm năng. Dòng Chúa Trịnh về lập thái ấp khu vực Thái kiều, dòng danh tướng Nguyễn Hữu Liêu về định cư ở Từ liêm (TK 16), dòng Nguyễn Kiều (chồng Đoàn thị Điểm) từ Sơn nam về Nhật Tân, dòng Vũ Quốc Sĩ từ Mộ Trạch-Hải dương về phường Phục cổ, dòng Nguyễn Đắc từ Cổ định-Thanh hoa về Thăng long, dòng họ Nguyễn Sơn nam về làng Nam đồng, dòng Nguyễn Đình-Hà tĩnh di cư về do được ban thực ấp ở Quán la, lập nên chuỗi dinh thự phía nam hồ Tây (TK 17-18) vv...

Hoạt động thương mại ở Tonkin: Điều khác biệt căn bản với các đại trước, ở thời Trịnh là quan niệm thâm căn cố đế: Sĩ – Nông - Công -Thương coi rẻ doanh nhân đã thay đổi. Chúa Trịnh Sâm, đích thân vi hành tới thăm nữ doanh nhân Bội Lạng và bậc đại trí giả danh thần Nguyễn Quý Đức tự tay viết văn bia cho Bà là những hành động chứng tỏ giới thương nhân rất được trọng vọng. Lối ứng xử như thế là “không tiền khoán hậu” trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Nay, Từ Chúa Trịnh, Thế tử, đến giới quan lại đều đã trực tiếp hoặc gián tiếp tích cực tham gia vào hoạt động thương mại của quốc gia và các tầng lớp trong xã hội đều nhận thức rõ quy luật “Phi thương bất phú”. Các bậc đại thần triều đình còn cùng nhau lập cả một khu phố riêng: khu Ô y hạng (Khu Áo đen-nay thuộc hàng Bồ) kề ngay khu thương mại. Một số phu nhân mệnh quan triều đình không còn phụ thuộc chồng như các tiền triều chỉ nem nép trong chống phòng the, phủ đệ ra ngoài kinh doanh thương mại, giao lưu với 4 phương tạo lập môi trường “tiền tư bản” đáp ứng nhu cầu đột biến của kinh đô

mới. Vai trò phụ nữ trong thương mại đặc biệt được nêu cao. Du khách Trung quốc Phan Đình Khuê có mặt ở Đông Kinh năm 1688 đã cho biết “*việc buôn bán ở kẻ chợ bao giờ cũng do phụ nữ đảm nhiệm*”. Thậm chí Domoutier còn đếm rõ “... *cứ trong 100 người đi chợ, người ta đếm được 84 người là đàn bà con gái*” Chuỗi dãy tư liệu trong các tập nhật ký của Kofler, Gion Oet đều khẳng định vai trò chủ đạo của họ, cả ở việc mới lái chạy hàng với thương gia nước ngoài và một số không ít trong họ đã trở thành vợ của thương gia nước ngoài đảm đương việc gom hàng, đặt hàng khi chồng đi vắng.

Giới doanh nhân, các phường tiểu thủ công nghiệp từ tứ trấn cũng hối hả tràn về lập phường mở chợ làm “bùng nổ” không khí làm ăn buôn bán nhộn nhịp tạo nên một khuôn mặt mới vô cùng năng động, đông đúc của một đô thị triệu dân [4:16]. Thợ đồng Đường hào Hải dương kéo về lập phường đúc ở Lò đúc sau chuyển về Ngũ xã. Thợ nhuộm Văn giang –Yên Mỹ di cư về lập dãy phố Thợ nhuộm. Rồi dân làng Hới Đào xá mang nghề quạt về lập phường sản xuất ngay tại kinh thành [15:93]. Dân Đan loan kéo về về hàng Đào, dân làng Rông lập phố hàng vải vv... Có thể nói hầu hết phố phường sản xuất nhanh chóng mọc lên như nấm sau mưa với không khí làm ăn sôi động ngày càng thịnh vượng bên cạnh việc giao lưu, buôn bán với Phương Tây, Nhật bản, Trung quốc. Từ một “quân thành” khép kín, thành phố không ngừng mở rộng trở thành một trung tâm thương mại sầm uất nhất vương quốc: “*chu vi 20 dặm và dân số có độ một triệu lại có tên gọi Đông kinh*”[13:71]. Kinh đô có tới “*hai vạn nóc nhà, các đường phố chính đều rộng rãi*”. “*Có ba đường phố dài tới 3 dặm*”. Chúa Bình An Vương Trịnh Tùng (1570-1623) chính là người sáng lập nên đô thị mở Đông Kinh trung đại mở ra thời kỳ vàng son của văn minh phong kiến Việt Nam xuyên suốt ba thế kỷ 16 -18 đã bị lãng quên. Chính trong thời kỳ đó, quốc gia Đại Việt trở nên hùng mạnh, thịnh vượng, là một mắt xích nằm trên trục thương mại Đông-Tây, khi cuộc Đại mậu dịch Á -Âu bùng nổ. Trong nền văn minh ấy, những giá trị văn hóa Việt từng được thế giới tôn vinh và đánh giá cao. Một kinh đô Đông

kinh lộng lẫy vàng son có tới cả triệu dân từng được ví với Venice và Paris đương thời.

Khu phố thương mại xứ Tonquin – Tonkin (Đông kinh)

Thiết tưởng không có gì sinh động hơn bằng lời nhận xét của giáo sĩ người Pháp Charles-Thomas de Saint Phalle trong báo cáo trình quan trưởng ấn De Sihouette (24-2-1753): *“Vương quốc này là một trong những vương quốc hùng mạnh nhất ở các xứ Ấn độ... Kinh thành lớn bằng Paris và số dân cũng nhiều như vậy. Tôi đã đến đây nhiều lần, nó nằm trên một con sông có tên gọi là sông Cái: số tàu bè đông đúc không thể tưởng tượng nổi làm cho việc cập bến trở nên khó khăn...”* [17].

CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI TÀM VĨ MÔ

Thời Trịnh mở ra một chương mới cho nền thương mại Đại Việt cả Nội thương và Ngoại thương. Đã có những chính sách, luật lệ về thương mại đột phá giúp thông thương với thế giới những mục tiêu đảm bảo an ninh quốc gia vẫn được nhà Chúa đưa lên hàng đầu. Mở Phố Hiến như một “Đặc khu kinh tế mở” với những luật lệ quy định riêng phát triển ngoại thương. Trong đô thị Tonkin không cho phép người nước ngoài vào buôn bán với những luật lệ kiểm soát chặt chẽ “bảo hộ” nền mậu dịch nội thương. Luật pháp triều Lê-Trịnh bắt buộc Hoa thương phải nhập quốc tịch

Việt, ăn mặc trang phục Việt, sống theo phong tục Việt mới được tự do cư trú và hành nghề ở trong kinh thành. Quy định này của Chúa Trịnh ghi rõ trong *Lê Triều Chiếu lệnh Thiện Chính (1734)*: “...Đối với người ngoại quốc, không được họp nhau ở trong kinh kỳ. Mỗi khi người ngoại quốc đến kinh... phải có quan Cai điệu hướng dẫn và có giấy chiếu hội y như kỳ hạn (khi đến, khi đi). Nếu không đủ điều kiện ấy, thì các ngoại kiều không được đi lại... Do ngoài cửa thành vào kinh đã các quan trấn thủ có trách nhiệm sắp xếp cho họ được ngụ ở doanh Cao dao, (hàng ngày) việc xong, bọn ngoại kiều đều phải trở về doanh nói trên, không được lưu lại ở trong kinh thành” [84]. Với quy định của các Chúa Trịnh, rõ ràng trong kinh đô Đông kinh không cho phép người ngoại quốc cư trú. Các cửa hàng buôn bán ở khu thương mại đều là thương nhân Việt, hoặc người Việt gốc Hoa. Họ tập trung lên trên tuyến phố thương mại đông đúc duy nhất ở kinh thành: phố Yếm Thị, hàng Lam, Cầu Đông (nay là Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường), Phố Áo đen (Ô Y hàng nay là hàng Bò) và kéo đến tận Hòe Nhai (nay là hàng Than).

Ngoài ra còn những chính sách thuế khóa phù hợp giúp cho nền kinh tế đất nước phát triển. Ít nhất ta có thể điểm danh trên 10 chợ lớn còn thu thuế vào năm Bảo thái thứ hai 1727, chợ Cửa Đông lệ thuế đóng 318 quan 8 tiền, 100 tấm da trâu. Chợ cửa Nam, chợ Huyện, chợ Đình ngang, chợ Bà Đá lệ thuế là 310 quan 8 tiền 100 tấm da trâu. Chợ Vân cữ lệ thuế là 19 quan tiền 2 tiền quý, chợ Ong nước lệ thuế là 46 quan 8 tiền vv...[6:36]. Chính nhờ chính sách thuế minh bạch, ổn định mà giá cả hàng hóa được bình ổn giúp thương nhân yên tâm mà tính toán kinh doanh. Một điều hết sức thú vị là giá cả hàng hoá ở các chợ xưa rất ổn định. Trong sách “Tình hình công thương nghiệp Việt nam thời Lê mạt” của Vương Hoàng Tuyên nêu rõ : “năm 1741 giá một con bò là 5 quan tiền... 61 năm sau năm 1802 giá một con bò cày cũng được định là 5 quan tiền... Năm 1663, 100 thùng thóc giá 3 quan tiền... Đến năm 1741, chừng hơn 3 quan 100 thùng

thóc, giá thóc đã gần như ổn định suốt gần một thế kỷ với biết bao sự biến thiên, vật đổi

sao dời...

Có thể nói, thời Trịnh, Kinh tế Đại Việt hùng mạnh, thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển hơn bao giờ hết trở thành một mắt xích trong chuỗi thương mại toàn cầu.

Kim điệp thư kêu gọi thông thương với Phương Tây

Dòng kim sách Đại Việt còn lưu dấu tích bức “Kim điệp thư” được viết vào năm 1623. Giới nghiên cứu coi “Kim điệp thư” là một “bức quốc thư ngoại thương” đầu tiên của Việt Nam với Phương Tây nó được gửi cho chính Giáo hoàng Won-panh VIII. Đây là một thư tịch cổ vô cùng quý giá đánh dấu cột mốc mở đầu cho ngành ngoại thương Việt Nam kêu gọi thông thương với Phương Tây, một ấn chứng cho ý tưởng hòa nhập thế giới của quốc gia Đại Việt đương thời. Ngay từ TK 17, khi mà cuộc đại mậu dịch lan truyền trên trục thương mại từ Tây sang Đông và Đại Việt từng là một mắt xích quan trọng với hai trung tâm thương mại sầm uất: Phố Hiến ở vương quốc Đàng Ngoài và Hội An ở Đàng Trong. Điều kỳ diệu trải qua số phận phiêu dạt hiện nó vẫn đang được lưu trữ tại thư viện tòa thánh Vatican La Mã. Nội dung bức kim điệp thư tỏ sự ngưỡng mộ của triều đình Lê Trịnh với Phương Tây và Chúa Trịnh Tráng chính thức thừa nhận lợi ích buôn bán song phương đặt mối quan hệ giao thương giữa Đại Việt và các nước châu Âu. Thư có đoạn viết: “...Nay Ngài lại chọn hai giáo sĩ trên thông thiên văn, dưới tường địa lý gửi đến bản quốc để mở mang thánh giáo... Lại yêu cầu giúp đỡ cho phép hai vị giáo sĩ ấy ở lại trú ngụ để được giao hảo, trao đổi hàng hóa buôn bán với nhau. Quả nhân đã nhận được mấy vật phẩm độc đáo, lạ lẫm, quý giá, thật cảm kích vô cùng... Việc giúp đỡ hai vị giáo sĩ Quả nhân đã định xong, cho cư trú ở nơi dành riêng cho khách phương xa, ở đó có thể quan sát hiện tượng của trời đất và luận xét điềm lành. Việc giao hảo buôn bán song phương thuận lòng người và tiện cho sự tiện dụng của bần dân thiên hạ,

hà tất phải nói nữa.... Nay phúc thư". Nội dung Kim điệp thư cho thấy đó là một bước cách mạng về tư tưởng và quan niệm của nhà cầm quyền Đại Việt thời bấy giờ khi dám chủ động hồ hởi mở cửa bắt tay với bên ngoài, với Phương Tây, tự khẳng định mình, việc mà hơn 200 năm sau các ông vua triều Nguyễn vẫn chưa làm được đưa đến chính sách "bế quan tỏa cảng" và bi kịch mất nước về tay ngoại bang ở cuối thế kỷ 19.

ĐẶC KHU KINH TẾ ĐẦU TIÊN CỦA VIỆT NAM: "PHỐ HIẾN"

Vào đầu thế kỷ 17, một trung tâm thương mại quốc tế, đã hình thành ở Đại Việt. Hơn 2000 nóc nhà như bát úp, tàu thuyền ra vào nhộn nhịp, kho hàng đầy ních, người Âu, người Á buôn bán tấp nập...đó chính là bộ mặt của Hean (Phố Hiến-Tỉnh Hưng Yên), một "tiểu trường An", một "Đặc khu kinh tế mở" đầu tiên trong lịch sử nước nhà...

Tim lại gương mặt phố Hiến: Trải dài suốt 5km chiều dài từ chùa Chuông đến chùa Nễ châu với chiều rộng hơn 1km mà trung tâm là Hồ Bán Nguyệt thơ mộng, phố Hiến quả xứng với "danh bất hư truyền" của một đệ nhị "Kinh kỳ" xứ Đàng ngoài. Cái tên phố Hiến được xuất phát từ địa danh Hiến Doanh là nơi đặt dinh thự của cơ quan chính quyền cấp tỉnh thời Lê-Trịnh. Cái tên Hoen (Hiến) cũng đã chính thức được đánh dấu trên bản đồ quốc tế của Robert in năm 1717.

Nằm trên tả ngạn sông Hồng đầy huyền thoại, cách kinh thành Thăng Long 50km về phía Nam, là một vùng đất bồi rộng lớn ít được ai biết đến. Từ thế kỷ thứ 10 đời Đinh Lê, nơi đây thuộc trị sở Đàng Châu dưới sự cai quản của tướng quân Phạm Phòng At. Sang thời Lý Trần, vùng đất này trở thành vọng gác tiền tiêu của kinh thành Thăng Long. Từ đầu thế kỷ 17, phố Hiến được "lột xác", diện mạo thay đổi hẳn và ngày càng trở nên sầm uất, chốn đô hội của một tiểu "Trường An" mà không ai không biết:"Thứ nhất Kinh kỳ, thứ nhì phố Hiến". Bia kí chùa Thiên ứng cho biết tới năm 1625 phố Hiến mới chỉ có hai phường dân cư Phú Lộc và Phúc Lộc. Nhưng

chỉ trong vòng hơn nửa thế kỷ, với chính sách cởi mở của nhà Trịnh, mở rộng giao lưu thương mại Âu, Á nhộn nhịp, nơi đây đã nhanh chóng tạo cho phố Hiến một gương mặt mới của một trong hai trung tâm thương mại lớn nhất Đàng ngoài. Đặc biệt nơi đây trở thành khu chế tạo hàng xuất khẩu theo đơn đặt hàng từ Á sang Âu của các thương nhân nước ngoài. Bia chùa Chuông khắc năm 1710 đã mô tả lúc ấy phố Hiến trở thành một thương cảng sầm uất được thế giới biết đến như một “nút son” trên trục giao lưu thương mại Đông Tây của các công ty Đông An Hà Lan, Anh, Pháp, Nhật Bản và Trung Hoa với hơn “2000 nóc nhà ngói như bát úp, 20 phường, 36 chợ...” Không chỉ vậy ở phố Hiến còn ra đời hàng loạt các khu ngoại kiều: khu phố người Hoa, khu phố người Nhật, khu phố Hà Lan v.v.... Và đặc biệt là các thương điểm Hà Lan (1637-1700), thương điểm Anh (1672-1683), thương điểm Pháp (1680) lần đầu tiên được ghi nhận trong sử sách Đại Việt. “*Tàu thuyền ra vào nhộn nhịp, kho hàng đầy ních, người Âu, người Á buôn bán tấp nập...*” là những ấn tượng về một “Hean” thương cảng Đại Việt được các nhà buôn ngoại quốc ghi nhận trong các thư tịch cổ còn tồn tại đến ngày nay.

Chế xuất và Giao lưu thương mại

Lịch sử còn ghi lại chính sách mở cửa giao lưu thương mại của chính quyền Lê - Trịnh. Một bức “kim điệp thư” viết trên lá bạc dát mỏng của chúa Trịnh Tráng gửi cho Giáo hoàng Won-panh VIII, khoảng năm 1623, trong đó có đề nghị việc mở rộng giao thương với châu Âu hiện còn được lưu giữ tại thư viện Vatican. Rồi những thư tịch của nhà Chúa giao lưu với Nhật, Hà Lan về việc mở thương điểm và ngoại thương khẳng định cho chủ trương mở cửa thông thương với bên ngoài của nhà nước Đại Việt đương thời.

Tuy nhiên vì những lý do an ninh và các vấn đề phức tạp của một trung tâm thương mại quốc tế, các Chúa Trịnh ban đầu đã không cho phép lập thương điểm ở Đông kinh (Thăng Long) cũng như người ngoại quốc không được cư trú tại Kinh đô.

Chính vì vậy với ưu thế của một tiền cảng gần Kinh kỳ, phố Hiến gần như đã được nhà Trịnh chủ trương cho phát triển trở thành một trung tâm giao lưu thương mại và cung ứng hàng xuất khẩu của Đại Việt với nhiều quy tắc khác biệt. Vô hình chung phố Hiến trở thành “Đặc khu kinh tế mở” đầu tiên của Việt nam từ đầu thế kỷ 17. Hai khu riêng biệt cho kinh doanh và sản xuất được hình thành gồm hai mươi phường, trong đó: 12 phường là khu cư dân kinh doanh, buôn bán và 8 phường là khu sản xuất hàng thủ công.

Khu thủ công có những phường đặc thù cho nền sản xuất thủ công truyền thống như Hoa Lạp thị (phường hàng nón). Hàng Bè phường, hàng sơn phường, thuộc bì thị (thuộc da phường), hàng chén thị, mộc lang thị (phường hàng cau), thổ oa thị (phường Hòn Đất) v.v... Khu thủ công có chức năng chế tạo, sản xuất hàng hoá cung ứng theo các đơn đặt hàng (được ứng tiền trước) mà các thương nhân nước ngoài đòi hỏi rồi 3 tháng hoặc 6 tháng sau trở lại nhận hàng tùy thuộc vào các hợp đồng được thoả thuận. Hàng cung ứng xuất khẩu một phần lấy từ phố Hiến và vùng lân cận song phần lớn các mặt hàng truyền thống được tập hợp từ mọi miền đất nước. Hàng xuất khẩu chủ yếu là sản vật, gỗ quý, trầm hương, tơ sồng, đường mía, trà, đồ gốm sứ, đồ gỗ sơn và đặc biệt là hàng dệt bằng tơ tằm. Các thương điếm nước ngoài đặt tại phố Hiến đã góp phần kích thích hoạt động xuất nhập khẩu của phố Hiến và từ đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế thương nghiệp trong cả nước. Hàng nhập khẩu thời đó là một số hàng xa xỉ cho Vua Chúa, vũ khí, vật liệu chế thuốc súng, đồng, vàng, bạc, đồ sứ cao cấp, hàng dệt Trung quốc, đồ nữ trang và cả đồ dùng cho sinh hoạt, công cụ sản xuất.

Trung tâm xuất nhập khẩu nằm ở phố Hiến Hạ có tên Đông Đô quảng hội. Đây thực ra là một đền thờ tôn giáo của cộng đồng người Hoa. Toàn bộ nguyên vật liệu xây dựng và đồ tế khí đều vận chuyển từ ba tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến sang bằng đường biển. Chính tại đây còn tồn tại cho đến ngày nay một gian phòng rộng từng là nơi các thương nhân tụ hội để mua bán, hợp đồng định giá hàng

hoá và điều hành các thương vụ ở phố Hiến. Tất nhiên các thương lái phương tây còn điều hành thương vụ trực tiếp từ các thương điểm của riêng mình cũng như từ các chợ người Việt. Tư liệu còn lại cho biết rõ tại phố Hiến đã là nơi gặp mặt, giao thương, cư ngụ của nhiều thương gia Đông Á như Philipin, Malaysia, Trung Hoa, Nhật Bản và các thương gia châu Âu đến từ Hà Lan, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh, Pháp vv...

Trong suốt thời kỳ tồn tại, hàng trăm thương thuyền trên thế giới đã đến và đi từ phố Hiến với một số lượng hàng hoá khổng lồ. Từ năm 1637 tới cuối thế kỷ 17, buôn bán giữa Đại Việt và Nhật Bản chiếm 10% trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Nhật trị giá tới 4 triệu lạng bạc hàng năm (1lạng=37g). Quy mô buôn bán với Trung Hoa chưa được biết chính xác nhưng theo số liệu của công ty Đông An Hà Lan, 55% hàng hoá tàu Hà Lan xuất sang Nhật được nhập từ phố Hiến-Đại Việt là hàng tơ sợi, vải lụa.

Phố Hiến-thông điệp của người xưa

Những gì còn lại của phố Hiến “vàng son” thực sự là bức thông điệp sống động cho hậu thế. Từ gần 400 năm trước, ông cha ta đã biết mở cửa giao lưu và đưa nền kinh tế đất nước lên một thời kỳ phát triển thịnh vượng để nhiều dấu ấn trên thương trường quốc tế. Một thương nhân Hoa Kiều còn để lại cảm tình của mình về cái thời thịnh trị phồn vinh của Đại Việt trên bia đá Đền thờ Quan trấn thủ Sơn Nam Thái Bảo Anh Linh Vương Lê Đình Kiên : “...*Những khi rồi rã chúng tôi từng du lãm tới các nơi núi sông cảnh đẹp ở chốn đô ấp để mở rộng tầm hiểu biết. Thấy non sông này, văn nhân tài giỏi, võ sĩ siêu quần, quốc thể âu vàng bền vững, bọn chúng tôi đã từng cùng nhau ca ngợi*”. Nếu như trong lịch sử oai hùng của dân tộc Việt nam lập đi lập lại những chiến tích lẫy lừng thì phố Hiến và Hội An là một “hiện tượng” hiếm hoi nếu không muốn nói là duy nhất khẳng định nền kinh tế thị trường và sự phát triển sôi động thương trường Đại Việt thời trung đại. Ngày nay trong thời kỳ đổi

mới, phó Hiến thật sự là một gương sáng thức thời của ông cha: vừa “làm ăn” vừa “Đảm bảo an ninh chủ quyền quốc gia” điều mà ngày nay hậu thế vẫn đang lúng túng, khiến chúng ta cần phải suy ngẫm ! Giao thương và hoà nhập nhưng không sao nhãng chủ quyền quốc gia chính là bài học quý báu từ “Đặc khu kinh tế mở phó Hiến”.

DOANH NHÂN TIÊU BIỂU

Chính sử không chép về các thương nhân, những người đã góp công lớn lao cho sự thịnh vượng của triều đại Lê-Trịnh, một sự bất công của quá khứ. Vì vậy mà chân dung về họ khá mờ nhạt. May thay lớp thương nhân thành đạt và có lòng hảo tâm ấy đã được những người hàm ơn tri ân họ qua “Bia miệng” trong nhân gian để đến ngày nay hậu còn biết đến mà tôn vinh.

Đệ nhị Thương gia Bồi Lạng:

Điểm danh những Phú gia cự phách vào thời nhà Trịnh, về dân gian thường nhắc đến ba nhân vật: “Thứ nhất Cô Đò Thanh Hoa, Thứ nhì Bồi Lạng , Thứ ba Thạch Sùng”. Cô Đò Thanh Hoa là ai, cho tới nay vẫn bặt vô âm tín! Còn Thạch Sùng là nhân vật nức tiếng giàu có đời Tấn (thế kỷ III) ở Trung Quốc. Riêng Bồi Lạng, sau chuỗi thời gian bị quên lãng, các nhà nghiên cứu lịch sử tâm huyết đã dần tìm lại được chân dung và trả lại cho đời hình ảnh một thương nhân lúa gạo, người được dân gian tôn vinh lên hàng Cự phú bậc nhất thời Lê –Trịnh, giàu nức tiếng, truyền vang tới Vương Phủ khiến Chúa Trịnh phải giật mình để mắt tới.

Chúa Trịnh viếng thăm: Tiếng lành đồn xa đến tai Nhà Chúa, Ân vương Trịnh Cương (1709-1729) rất hoan hỉ không ngờ lại có người giàu nứt đổ đổ vách trong vương quốc của mình, còn giàu hơn cả Thạch Sùng đời Tấn, nên ban lệnh đích thân hạ cố vi hành tới thăm Bà.

Ngày Nhà Chúa vi hành, một số đại thần cùng ngự lâm quân tháp tùng hộ giá trống dương cờ mở trục chỉ làng Lạng, thuộc huyện Tứ Kỳ, phủ Hạ Hồng, trấn Hải

Dương là quê hương của Bồi Lạng để xem xét sự tình thật hư ra sao. Theo hầu còn có cả đoàn tùy tùng, quan quân của trấn, phủ, tổng cộng cả nghìn 1000 người quân sĩ theo khá đông, lại. Bà Bồi Lạng được thông báo trước cả mừng vô cùng cảm kích vì biết mình chỉ là một phú bà quê mùa mà được Chúa hạ cố đến thăm thật là vinh hạnh. Bà tiếp Chúa thật ân cần và trọng thị, dẫn Chúa đi thăm gia cảnh và những công trình do bà công đức xây dựng, đến đâu cũng thấy ruộng vườn tươi tốt, nông phu lao động cần mẫn, thóc lúa đầy kho, trâu bò, lợn gà, dê chó nhiều vô kể, quan quân nhất nhất đều thán phục không hổ danh bậc Cự phú nhất xứ Đông. Lời đôn quả thật không ngoa! Vốn thông tuệ, Bà Bồi Lạng nảy ra sáng kiến, có nhã ý xin Chúa cho bà được phép khao toàn bộ đoàn tùy tùng, quân sĩ ba ngày để tỏ lòng đội ơn Nhà Chúa. Chúa Trịnh nhận lời. Bà liền sắp đặt, lệnh gia nhân sửa cỗ thật thịnh soạn đầy đủ món ngon vật lạ, đặc sản xứ Đông và dọn trước, quan quân ăn xong không phải rửa bát đĩa, mọi người có thể đập vỡ tùy thích để mua vui. Suốt ba ngày ăn uống linh đình, mỗi bữa vài trăm mâm, bát đĩa cả nghìn bộ đập vỡ nghe cứ như pháo rền. Quan quân bá phục, Nhà Chúa rất đẹp lòng, tuy ở chốn kinh kỳ, mang tiếng phồn hoa đô hội mà chưa thấy ai gây tạo nên khung cảnh sang trọng vui vẻ như thế. Sau chuyện vi hành, ấn tượng về công đức và sự giàu có của Bà, Nhà Chúa ban bốn chữ mỹ tự: “Phú gia Địch quốc” cho Bà.

Vươn lên làm giàu từ trí tuệ và sự cần mẫn: Theo gia phả, tư liệu còn lưu của gia tộc, ông Nguyễn Tá Triền hậu duệ đời thứ 17 của Bà Bồi Lạng kể rằng : “Ngài đã ra ra đi gần 300 năm nhưng luôn là gương sáng cho con cháu noi theo”. Bà Bồi Lạng sinh khoảng cuối thế kỷ XVII, tại làng Lạng, huyện Tứ Kỳ, phủ Hạ Hồng (nay là xã Bình Lăng,). Thuở thiếu thời mang tên Thuyết, sau này trưởng thành đổi tên thành Tri-Nguyễn Thị Tri. Gia cảnh khôn khó, bà rất chịu thương, chịu khó, cần mẫn làm ăn dù lâm trong cảnh sớm mồ côi cha. Hàng ngày chuyên mò hén bắt ốc, bán ở chợ làng để nuôi mẹ. Ngoài 20 tuổi, bà kết hôn với ông Sái Đắc Lộc, người Hà Tĩnh. Vợ chồng tâm đầu ý hợp, cùng nhau chọn nghề buôn bán, xay giã lúa gạo để lập nghiệp.

Về sự giàu có của Bà, tới nay vẫn còn là ẩn số, tuy nhiên dân gian đã huyền hoặc nó thành những truyền kỳ: "... Một hôm, vào buổi chiều tối, mò được thúng hén, con nào cũng to tròn trọc, vỏ hanh vàng, ở một đoạn sông gần làng, bà mừng quá, cho vào chậu, ngâm nước, chờ mai đi chợ sớm. Mờ sáng hôm sau, thức dậy, Bà hốt hoảng khi thấy những con hén tối qua đều thành những thỏi vàng rực rỡ". Chuyện khác lại đồn rằng: "...Một năm mất mùa, dân làng đói lắm, bà còn bao nhiêu thóc gạo dự trữ đem đổi hết cho dân nghèo, lấy những đầu sỏi. Mọi người lấy làm lạ, rất lo cho Bà. Người ta cầu Trời khẩn Phật, mong cho bà giàu có để giúp đỡ người nghèo. Lời cầu nguyện linh ứng, những đầu sỏi bà nhận của người nghèo đều biến thành vàng và ngọc và bà trở thành một người giàu có". Nhưng thực tế nhất là câu chuyện truyền kỳ về kho vàng của nhà Mạc. Vào cuối thế kỷ thứ XVI, trong cơn hấp hối, tàn quân Mạc chuyển kho báu đi cất giấu bằng đường thủy. Khi đoàn thuyền chở vàng ngang qua địa phận làng Lạng, bị quân Trịnh phục kích, hai bên thủy chiến dữ dội đã có thuyền vàng bị đắm xuống sông. Nhờ mò được thuyền vàng đó mà bà Bồi Lạng có vốn làm ăn trở nên giàu có".

Tuy nhiên, một sự thật không ai có thể phủ nhận là vốn bản tính thông tuệ, lại thêm biệt tài kinh doanh buôn bán, tính toán "như thần" và sự lanh lẹ chớp thời cơ mà Bà sớm ăn nên làm ra và trở thành một nữ thương gia nức danh khắp trấn phủ. Văn bia kể sự nghiệp của Bà có đoạn kể: "...Sống trong vùng đồng bằng châu thổ, bà chọn nghề buôn bán lúa gạo để lập nghiệp. Ngày xưa, đất đai tuy màu mỡ, nhưng kĩ thuật canh tác kém, sức chống chọi thiên tai hạn chế, nên thường xảy ra mất mùa cục bộ, giá thóc gạo giữa các vùng thường rất chênh lệch, đó là cơ hội làm ăn của nghề buôn bán gạo. Năm Quý Mùi (1703), thiên tai mất mùa, thóc như ngọc quý. Vào những lúc như thế, bà bán hết gia sản lấy tiền làm vốn. Khi thu được lãi, bà mang tiền tậu ruộng ở các nơi, chăn nuôi gia súc. Ngày qua tháng lại, chẳng bao lâu sau, bà trở thành người giàu có nhất một vùng. Ruộng có hơn nghìn mẫu, tiền có trên vạn xâu, thóc lúa, gia súc nhiều đến mức không đếm xuể". Văn bia cho cho biết

chỉ riêng tiền di chúc cho dưỡng tử và nghĩa tử, tài sản cho 25 xã có tới trên 340 mẫu và hơn 2.000 quan tiền

Sự giàu có của bà còn được chép trong Kiến văn tiểu lục, lặn bàn về các doanh nhân vào cuối thế kỷ XVII ở đồng bằng sông Hồng, Lê Quý Đôn viết: “Năm thứ 20, niên hiệu Chính Hòa (1699) ở nước ta có những người như Huyện Lân ở Thiên Bản, Công Trung ở Thanh Quan, bà Bồi Lạng ở Bình Lãng, Tứ Kỳ... vàng, bạc tiền, thóc kê có ức vạn, đất nhiều ruộng tốt khắp một địa phương”.

Vào đầu năm Vĩnh Thịnh thứ 16 (1720) Bà nhờ Thám hoa khoa Bính Thìn Nguyễn Quý Đức (1648 - 1720), người làng Đại Mỗ, huyện Từ Liêm. Khoa này không chấm đỗ Trạng nguyên, Bảng nhãn nên chỉ mình ông đứng tên trong bảng Tam Khôi. Ông là bậc danh thần có thế lực và uy tín đương thời, từng giữ chức Tham tụng (Thủ tướng) đứng đầu Phủ Liêu chỉ dưới Chúa Trịnh và có công lớn trong việc tôn tạo văn miếu Quốc Tử Giám Thăng Long. Bởi vậy việc ông nhận soạn văn bia tự sự về cuộc đời và sự nghiệp của bà, cùng văn bản phân chia tài sản cho Bà, là một ngoại lệ duy nhất trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam. Điều đó cho thấy uy tín, ảnh hưởng to lớn của Bà đối với giới trí thức cầm quyền đương thời. Ông còn ca ngợi gia đình bà là một gia đình Tổ phong, nghĩa là không quyền cao chức trọng mà được người đời kính nể. Đây cũng là một trong những văn bản cuối cùng của Nguyễn Quý Đức, vì trong năm đó ông đã qua đời.

Bà mất ngày 27-9-1721(Tân Sửu). ngày cụ mất người dân làng quý trọng cụ, đã làm rạp từ đầu làng ra tận nghĩa trang ngoài cánh đồng. Ở phía trên rạp mọi người lợp bằng bánh đa, làm lễ tang cho cụ xong người dân lấy bánh đa chia cho trẻ con. Do nướng vội bánh đa làm rạp che cho bà nên từ đó làng mang tên là làng Vội. Khu lăng mộ nằm trên một gò đất khá bằng phẳng rộng gần một sào ở cánh đồng thôn Đông, hai bên có hai cây bàng. Đập vào mắt chúng tôi trước nhất là đôi nghệ đá ngồi chầu, được chạm khắc tinh xảo. Lăng mộ được xây bằng đá khối, khuôn viên chừng 300m², lăng đá hình tháp, 2 tầng cao tới 5-6m, 8 mái được ghép bằng các phiến đá

xanh. Tầng thứ nhất cao 1,5 m, dài 2,48m, mặt trước được chạm ô hộc gồm 10 ô, mặt bên 5 ô. Tầng thứ hai cao 78cm, dài 1,96m, mặt trước được chạm 1 hàng lan can đá trên có khắc chữ vụn bằng Hán tự. Các mặt bên và mặt sau đều chạm bỗ ô hộc. Bên trên tầng 2 là mái úp, mái được chạm khắc hoa lá phía trên có đài sen, trên đài có búp sen. Công trình toát lên sự cổ kính, độc đáo, gần như còn nguyên vẹn hình dáng nguyên sơ ngoại trừ một vài phần bị hư hại. Phía trước còn thạch sàng có kích thước khoảng 2 m x 1,5 m., bên phải có tấm bia hộp long đình hình tứ trụ có niên đại Vĩnh Thịnh thập lục niên (1720) cao gần 2 m, rộng trên 0,6 m trên có chữ Nho ghi về cuộc đời của nữ doanh nhân Bồi Lạng, bản phân chia tài sản cho các con nuôi, công đức ruộng cho các làng, xã để lo việc thờ cúng cho gia đình mình.. Trán bia có dòng chữ: “Sái phụ Nguyễn Thị Trị sản chí phú tự sự bi kí”, nghĩa là Bia tự sự về Nguyễn Thị Trị, vợ người họ Sái, rất giàu có. Văn bia do thám hoa Nguyễn Quý Đức soạn, thợ đá An Hoạch (Thanh Hoá) và Kính Chủ (Hải Dương) khắc dựng bia và lăng vào tháng 4 năm Vĩnh Thịnh 16 (1720). Như vậy, lăng xây khi chủ nhân còn sống, khi qua đời chỉ việc đưa di hài vào.

Bao la lòng từ thiện: Bà còn được biết đến là nhà từ thiện lớn trong lịch sử phong kiến thời bấy giờ. Là người nhân đức, Bà có nhiều con nuôi, thấy nơi nào khó khăn cũng công đức. Bà bỏ tiền làm đường, cầu đá cho dân quanh vùng... Khi về già, bà cũng công đức rất nhiều ruộng đất cho các xã quanh vùng. Bà được nhân dân trong vùng quý trọng vì là người giàu lòng hảo tâm, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ dân nghèo. Chuyện kể rằng : “Phía trước nhà bà có nhánh sông, muốn giúp đỡ kẻ khó, bà bảo họ ra đó mò cua, bắt hến bán cho bà. Khi ốc hến cạn kiệt, họ mò cả sỏi về bán, song bà vẫn mua. Người ta đồn bà Bồi nhìn sỏi ra vàng. Từ đó khúc sông được gọi là sông Vàng. Trong văn bia Thám hoa Nguyễn Quý Đức cũng đã ca ngợi lòng thiện tâm của Bà: “...Tuy giàu có nhưng bà là người có tâm phật, nuôi hai con trai trưởng thành và có nhiều con nuôi, con đỡ đầu, đặc biệt quan tâm đến các cụ bà và những người bạn cũ. Đi đến nơi nào có khó khăn là sẵn sàng công đức. Có một lần bà đi

qua xã La Tinh, huyện Tứ Kỳ, đến bến sông Vạn. Tại đây, xưa có một cái cầu gỗ, lâu ngày đã hư hại không đi lại được. Việc bắc lại cũng không dễ. Khách qua đường phải lội bùn lầy rồi bơi qua sông, hoặc qua đò, nhiều người ca thán. Thấy vậy, bà liền cho người đi chợ mua gỗ lim phiến, đóng 2 con thuyền, lấy hai người bản xã là Phạm Cân và Đỗ Văn A làm lái đò lâu dài chở khách qua sông. Bà lại hứa cho mỗi người 5 mẫu ruộng tại bản xã, cày cấy hưởng hoa lợi để chở đò công đức cho dân. Số ruộng đó được chuyển tiếp cho những người chở đò của những thế hệ sau thừa kế”.

Trong số 36 cây cầu bà xây cho người dân trong vùng nhiều cây cầu vẫn còn tồn tại đến ngày nay. Cây cầu đá được dân gian nhắc nhiều là cầu đá Đen nằm tại thôn Thái An, xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ. Dẫu đã “trơ gan cùng tuế nguyệt” trên hơn 300 năm nhưng cầu đá Đen vẫn còn rất kiên cố. Trước đây, mỗi khi xây cầu xong bà đều kiểm tra độ vững chắc của cầu cẩn thận rồi mới bàn giao cho dân làng sử dụng. Năm 2009 hội thảo khoa học: "Nữ doanh nhân - Nhà từ thiện Bồi Lạng" đã được tổ chức nêu lên những công trạng của bà trước đây, để Nhà nước công nhận khu lăng mộ của bà Bồi Lạng là khu di tích lịch sử của tỉnh. Từ sự cống hiến, đóng góp của các nhân vật lịch sử đối với quê hương, đất nước và giá trị của các di tích, tháng 1-2016, UBND tỉnh đã xếp hạng khu lăng mộ Bà Bồi Lạng là di tích lịch sử cấp tỉnh.

Nữ Doanh nhân Phố cổ-Bà Diên Thái: Những dấu ấn thương mại đất Thăng Long vô cùng hiếm hoi, nhất lại về kinh doanh chè. May thay câu chuyện về gia tộc Nguyễn Đình làng Hạ Thái đã cho chúng ta chiêm ngưỡng bức tranh sinh động về đời sống thương mại trên con phố thương mại hàng Lam-hàng Đào –hàng Đường suốt 100 năm từ nửa đầu TK 18 đến đầu TK 19 [252]. Lên Kẻ chợ năm 1729, câu Cả Giới bắt đầu từ một gã cửu vạn, chỉ sau hơn mười năm kinh doanh chè Mạn Hảo và thuốc Lào Tiên minh đã đưa ông Nguyễn Đình Giới lên bậc giàu sang và danh vọng. Ông trở thành người có vai vế trong phường buôn chuyên, cầm cân nảy mực

mặt hàng chè Mạn Hảo danh tiếng. Từ lúc mua được căn nhà mới ở phố Hàng Lam ngay giữa trung tâm buôn bán Kẻ Chợ, ông chủ Đình Giới được nhập cư ở vào phường Diên Hưng, chính thức thành cư dân Kẻ Chợ, được trọng vọng. Ông đổi tên thành Nguyễn Đình Huyễn, rồi bỏ tiền mua chức quan, trở thành quan Tri sự tại gia đầy đủ phẩm hàm danh giá. Hiệu buôn kang trang được ông đặt tên hiệu: Diên Thái. Bảng hiệu Diên Thái hình hai trái đào màu vàng được làm bằng sơn mài, chạm khắc tinh tế ở cả hai mặt và treo trịnh trọng trước hiên căn nhà hai tầng mới cất kiểu nhà gác cổ diêm. Đương thời, lối kiến trúc này rất thịnh hành ở đất Kẻ Chợ, nước sôi mới còn trắng toát. Cái tên Diên Thái, là chữ Diên đầu của phường Diên Hưng ông khởi nghiệp, ghép với chữ Thái sau của làng Hạ Thái quê cha đất tổ ghép lại mà thành. Khách hàng càng vị nể ông là con người trọng tình trọng nghĩa, “ Uống nước nhớ nguồn ”. Tiếng thơm cứ thế truyền lan ra, khách ngày càng đông, càng làm đậm đà thêm hương vị chè Mạn hảo-Diên Thái.

Cái nghiệp chè Mạn Hảo như một định mệnh chọn ứng vào dòng Nguyễn Đình nên ngay khi gặp lúc lao đao, cửa hiệu Diên Thái Hàng Lam được giao sang đời thứ 3 cho người con thứ Đình Tiệp (1740-1789) và cô con dâu Đỗ Thị Lượng (1740-1816). Chính cô Lượng đã nhanh chóng làm hồi sinh Diên Thái và đạt đến tột đỉnh: cả “Phú” lẫn “Quý”. Vốn con nhà khanh tướng, nên từ bé cô Lượng đã được học hành chu đáo, lớn lên tính tình lẫn mạn, yêu thích văn thơ nôm, nữ công gia chánh mười phần khéo léo, hội đủ cả: công dung ngôn hạnh. Về làm dâu nhà Nguyễn Đình, trọng trách khôi phục danh tiếng chè Mạn Hảo-Diên Thái phố Hàng Lam trĩu nặng trên vai bà. Nhờ được trời phú cho tài tình tường thẩm hương, thưởng vị trà nên chất lượng chè Mạn Hảo-Diên Thái khác hẳn với các thương gia cạnh tranh khác. Lại thêm tính quảng giao, khéo léo thù tiếp khách nên chỉ trong thời gian ngắn danh tiếng chè Diên Thái dậy như sóng cồn chẳng riêng chốn kinh thành, mà lan ra cả ngoài tứ trấn. Khách lẻ tiện mua chè Mạn Hảo-Diên Thái ngay tại cửa hiệu bên Đá sát chân cây Cầu Đông xây bằng đá xanh không lúc nào ngớt người qua kẻ lại tấp

nập nhôn nhíp. Cửa hàng hướng ra phía đầu cầu, nơi có pho tượng Tiểu Phật tạc bằng đá trắng nằm ngổn ngang, một tay xoa chiếc bụng phệ, khoe ra cái rốn sâu, miệng cười tùm tùm với khách qua đường khiến ai cũng phải dừng lại ngắm nhìn rồi vui chân ghé vào cửa hàng chè Diên Thái. Khách phùng buôn lớn, chuyên ăn hàng đi xa được mời sang giao dịch với bà chủ bên hiệu Diên Thái hai quả đào sang trọng trên phố Hàng Lam. Hiệu Diên Thái chiếm hai gian rộng trên mặt tiền Hàng Lam, nổi bật với bảng hiệu sơn mài đã ngả màu thời gian. Gian bên phải bán chè Mạn Hảo, gian bên trái bày bán thuốc lò Tiên Minh, ở giữa có lối đi dẫn suốt vào phía sau nhà: vườn cảnh, khu nhà tiếp khách quý, đàm đạo thưởng trà, kho hàng và khu thờ tự. Mặt ngoài chỉ là kiểu nhà gác cổ diêm cửa hàng sát với vỉa hè, tầng hai xây thụt vào phía trong. Phần mặt tiền tầng hai chỉ trổ hai cửa thông hơi nhỏ hình hoa thị cân hai bên, chính giữa đắp nổi hình bát quái. Tường hai bên nhà, phía trên mái tầng một nối với tầng hai xây cao, giắt cáp phòng chống cháy, ngăn lưới lửa gập gió lớn bay lan từ các nhà bên bị cháy. Hai đầu sống mái tầng hai đắp hai đốc kiếm hướng lên trời chống tà ma. Gian bán chè Mạn Hảo đóng bục gỗ kê áp sát tường, bên trên bày ba thúng cái xảm sơn ta xếp lớp chè Mạn Hảo đầy có ngọn. Trên mỗi thúng dán xéo một vuông giấy đỏ thành hình ô trám đề một chữ lớn, khách dễ dàng đọc được dòng chữ “Phúc-Lộc-Thọ” trên ba xảm chè. Trên bục ta còn thấy một chiếc mẹt bả sơn then, trong đựng xấp giấy moi để gói chè cho khách, giữa mỗi tờ đều đóng triện sơn hình hai quả đào và tên bản hiệu: Diên Thái. Kề đó là chiếc cân tay và bó lạt giang để gói buộc hàng. Vách tường nhà mặt hướng ra phố vượt lên cao khỏi tầm đầu người dán hàng chữ đỏ: “Bán buôn - Bán lẻ - Chữ Tín làm Gốc”. Sát vách góc nhà kê hòm đựng tiền, có ổ khóa to bằng đồng, mặt thùng dán giấy đỏ đề dòng chữ “Nhất Bản Vạn Lợi”. Một mẹt sơn then bày hàng chông những phong chè Mạn Hảo gói sẵn, niêm dán ngay ngắn bản hiệu Diên Thái, phục vụ khách mua lẻ. Mỗi phong chè Mạn Hảo-Diên Thái nhỏ giá 2 đồng tiền Cảnh Hưng, phong gói to giá 3 đồng. Khách mua nhiều có loại gói cột sẵn thành chông một chục, châu thêm một phong

(trả tiền 10 phong nhận được 11 phong chè). Gian bên trái bán thuốc Lào Tiên Minh bài trí tương tự, nhưng trên các thúng cái xảm sơn dán hàng chữ “Nguyễn, Hanh, Lợi, Trinh”. Phía trên tầm đầu người nổi bật hàng chữ trên giấy đỏ: “Khách nhớ Bản Hiệu-Bản Hiệu nhớ khách”. Một cô gái nhỏ áo tứ thân, vấn khăn bỏ đuôi gà ngồi trước nong thuốc Lào đã được trải gỡ thật tươi, vừa trông hàng đón khách vừa thông thả, cẩn thận phong thuốc Lào thành từng gói lẻ. Khách hàng mua buôn chuyên chè Mạn Hảo, thuốc Lào được mời vào gian trong. Giữa gian nhà treo một cái cân lớn chuyên cân hàng buôn chuyên được đóng trong các bao đay, bỏ hay sọt tùy thuộc vào phương thức vận chuyển. Người ta còn thấy hai mặt hàng khác được bày bán kín đáo trong gian bán buôn này: Đồng thời khai thác từ mỏ Tụ Long và thiếc Kim Ngưu. Đây là những mặt hàng triều đình giành đặc quyền, thu mua tận gốc, chỉ những hãng buôn có thế lực, vốn lớn mới có thể kinh doanh. Khác thời ông nội nhà chồng, giờ cô Lượng đã được giới công thương kinh kỳ vị nể gọi bà bằng cái tên: bà chủ Diên Thái thay vì gọi theo chồng: bà Huyện Vĩnh Khang, bà phủ Trường Khánh hay bà Đốc trấn Lạng Sơn. Mọi người đều biết bà không thích bị gọi theo như thế! Lúc này bà Diên Thái không còn phải lặn lội đường xa, vượt thác ghềnh nguy hiểm mới có hàng. Giờ gia nhân mang chè từ trang trại gia đình trồng trên mạn ngược, rồi bán hàng, giới buôn chuyên tự mang hàng tốt nhất đến cho bà ngay tại bến Hà Khẩu và họ cũng ăn hàng của bà Diên Thái từ đây. Chè Mạn Hảo là mặt hàng buôn chuyên đi khắp tứ trấn, nên số lượng xuất nhập hàng rất lớn. Mỗi lần có bồng chở thẳng chè từ châu Mạn Hảo hay từ châu Hưng Hóa, vị xuyên cập bến Hà Khẩu là đám gia nhân nhà Diên Thái bất kể trai hay gái lại tất tưởi, hối hả gồng gánh bỏ sọt, xe cút kít tấp nập chất hàng đầy ắp chở, gánh về nhập kho ở cổng sau nhà, lối trông ra hồ Hàng Buồm. Uy tín Chè Mạn Hảo-Diên Thái và các mặt hàng hóa khác của bản tiệm ngày một lên cao, tiền vào như nước phần vì chất lượng tuyệt hảo của thứ chè Mạn Hảo được tuyển chọn tinh tế giữ tròn chữ tín, phần nhờ lối quảng giao rộng khắp các giới của bà chủ. Ngoài giới công thương, tầng lớp quan lại đồng liêu huyện, phủ, trấn của

chồng, bà còn kết thân với bà phủ Vĩnh tường (Hồ Xuân Hương), cô Đoàn Lệnh Khương (cháu bà Đoàn thị Điểm) những nữ sĩ lừng danh đương thời. Họ đến thưởng trà, ngâm vịnh thơ nôm với Từ Ý phu nhân (tên thượng lưu của bà Diên Thái). Cậu Chiêu Hồ (Phạm Đình Hồ) từng được Từ Ý phu nhân nhận nuôi làm gia sư, rồi trở thành thông gia với Đình Khoa nhà bà. Danh nho, tri huyện Nguyễn Án, Thần Siêu (Nguyễn văn Siêu) đều là môn khách của nhà Diên Thái. Khác với các hiệu buôn, nhà Diên Thái còn có cả thư viện riêng: “Phúc Tuệ Thư Hiên” được lập từ thời cụ tổ quan Tri sự, đến thời bà Diên Thái có ngót cả trăm năm. Thư viện với hơn ba nghìn đầu sách trong đó có bản thảo Vũ trung tùy bút, Tang thương ngẫu lục, Xuân Hương thi tập, Đoàn Thị thi tập ghi lưu thủ bút của chính các danh sĩ đề tặng gia chủ (Kho sách quý báu này bị đốt tại làng Hạ Thái trong tiêu thổ kháng chiến 1946 và cải cách ruộng đất 1956). Không chỉ là danh gia vọng tộc, đại phú gia đất Kẻ Chợ, giờ nhà Diên Thái còn là chốn dập diu gập gờ của giới tao nhân mặc khách, danh nho, bình ngâm thơ phú, thưởng chè Mạn Hảo đón trăng lên trong dịp tết Trung thu. Chính bởi vậy mà tiếng thơm chè Mạn Hảo-Diên Thái vang tới cả cung vua, phủ chúa. Rất nhiều vị hoàng thân quốc thích, các quân chúa, phu nhân đích thân vãng lọng dập diu đến tận bản hiệu Diên thái-Hàng Lam mua tuyền cho đúng thứ Trà Mạn sen đặc biệt của bà Diên Thái. Người đương thời đồn nhau thứ chè Mạn sen Diên Thái uống đến tuần trà thứ ba vẫn còn đượm hương, đậm vị. Thứ chè đặc sắc này là đặc sản của bản hãng do chủ nhân kỳ công tuyền chọn từng đợt trà từ Mạn Hảo về, được ướp ủ theo bí quyết riêng.

Đương lúc chè Mạn Hảo-Diên Thái danh tiếng truyền xa, bỗng chính biến nổi nhau ập tới làm nghiệp chẻ Mạn Hảo bắt đầu rơi vào suy thoái tàn lụi dần. Bà Diên Thái buồn đến se lòng, thời thế vậy biết làm sao! Giặc giã, cướp bóc liên tục 5, 6 năm liền, hàng hóa ế ẩm ...Năm Bảo Hưng thứ nhất (1801) bà quyết định rút lui khỏi nghiệp thương mại một thời vàng son của gia tộc, trao lại cửa hiệu Hàng Lam cho con cháu và lui về Hạ Thái ẩn cư.

THAY LỜI KẾT

Có thể thấy thời Nhà Trịnh đã mở ra một chương mới cho nền kinh tế Đại Việt : “Kinh tế thị trường mở” của Việt Nam từ thế kỷ 17. Các chính sách tâm vĩ mô đã được các Chúa Trịnh hoạch định rõ ràng: Ngoại thương mở cửa thông thương với thế giới. Nội thương cấm người nước ngoài tự do buôn bán trong kinh thành để bảo hộ mậu dịch cho thương nhân Việt phát triển. Tuy nhiên với tầm nhìn xa trông rộng các Chúa Trịnh mạnh dạn thực thi chính sách “Đặc khu kinh tế mở” ở phố Hiến và cho đặt hai Trung tâm thương mại Âu châu ngay trong lòng kinh đô: Thương Điểm Hà Lan và Thương Điểm Anh.

Một giá trị khác trong chính sách phát triển kinh tế thời nhà Trịnh là quý trọng hiền tài, trân trọng giới Doanh nhân những người làm ra của cải vật chất mang lại sự thịnh vượng cho quốc gia và chung tay chia sẻ gánh nặng xã hội với nhà nước bằng khối tâm trong sáng, lòng thiện nguyện bao la vốn thừa kế từ thế hệ tiền nhân.

Chính sách tâm vĩ mô của Nhà Chúa: “Giao thương và hoà nhập nhưng không sao nhãng chủ quyền quốc gia!” chính là bài học quý báu của tiền nhân từ 400 năm trước vẫn còn nguyên giá trị tới ngày nay.

Tp.HCM Tháng 9 năm 2018

Trịnh Quang Dũng

